

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204207] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511A)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 26..

Số bài thi:26..

Số tờ giấy thi: 26

Chánh
Lê Thị
Thanh Hà

Chánh
Lê Thị
Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125110245	Đào Ngọc Tuấn Anh	05/03/2007	CCQ2511G			4.2	7.0	5.9
2	2125110024	Trần Quốc Bảo	25/06/2003	CCQ2511A			✓	✓	✓
3	2125110018	Trần Đức Nhật	26/12/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
4	2125110249	Vũ Chí Công	25/09/2004	CCQ2511G			✓	✓	✓
5	2125110032	Trần Nguyễn Thành	29/09/2007	CCQ2511A			7.2	7.0	7.1
6	2125110036	Nguyễn Thành Đạt	09/05/2006	CCQ2511A			7.8	7.8	7.8
7	2125110027	Trương Thành Đạt	04/07/2007	CCQ2511A			8.0	7.3	7.6
8	2125110011	Huỳnh Phi Đến	19/11/2007	CCQ2511A			4.4	✓	✓
9	2125110235	Lê Thanh Dĩnh	31/03/2007	CCQ2511G			8.0	8.3	8.2
10	2125110007	Nguyễn Như Đức	10/06/2007	CCQ2511A			10.0	7.5	8.5
11	2125110030	Lê Trí Dũng	21/08/2007	CCQ2511A			10.0	9.5	9.7
12	2125110242	Lê Đình Bảo Duy	30/11/2007	CCQ2511G			✓	✓	✓
13	2125110017	Nguyễn Hải Duy	11/09/2006	CCQ2511A			✓	✓	✓
14	2125110246	Nguyễn Trường Duy	22/02/2006	CCQ2511G			✓	✓	✓
15	2125110006	Lê Thị Ngọc Hiệp	20/03/2003	CCQ2511A			8.7	8.3	8.4
16	2125110239	Đặng Vũ Minh Hiếu	18/10/2007	CCQ2511G			10.0	9.3	9.6
17	2125110241	Phạm Nguyễn Đức Hiếu	02/02/2007	CCQ2511G			✓	✓	✓
18	2125110010	Phan Duy Hiếu	06/09/2006	CCQ2511A			9.9	9.0	9.4
19	2125110003	Nguyễn Đức Hòa	17/09/2006	CCQ2511A			✓	✓	✓
20	2125110029	Dương Thành Hưng	24/09/2007	CCQ2511A			10.0	8.5	9.4
21	2125110001	Phạm Thị Quỳnh Hương	01/01/2007	CCQ2511A			9.0	8.3	8.6
22	2125110236	Bừu Nhật Huy	01/04/2004	CCQ2511G			✓	✓	✓
23	2125110025	Nguyễn Thanh Huy	18/09/2006	CCQ2511A			✓	✓	✓
24	2125110015	Nguyễn Minh Kha	07/12/2006	CCQ2511A			10.0	8.0	8.8
25	2125110042	Nguyễn Thanh Kiên	10/03/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
26	2125110240	Nguyễn Tuấn Kiệt	21/10/2006	CCQ2511G			9.4	8.5	8.9
27	2125110016	Nguyễn Hữu Chấn Lâm	03/10/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
28	2125110012	Lê Tấn Linh	12/10/2007	CCQ2511A			6.8	7.8	7.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204207] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 26...
Số bài thi:26...
Số tờ giấy thi: ...26...

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125110022	Quách Thanh Linh	25/07/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
30	2125110023	Mul Su Lĩnh	04/06/2007	CCQ2511A	Linh		6.8	8.0	7.5
31	2125110247	Phan Thanh Long	10/09/2004	CCQ2511G			✓	✓	✓
32	2125110028	Lê Duy Mạnh	12/01/2007	CCQ2511A	Mạnh		7.8	7.9	7.9
33	2125110026	Trần Trung Nguyên	26/12/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
34	2125110238	Hồ Ngọc Hương Nhi	20/04/2007	CCQ2511G	Nhi		5.6	8.0	7.0
35	2125110035	Nguyễn Quỳnh Yến Nhi	09/06/2007	CCQ2511A	Nhi		6.2	7.0	6.7
36	2125110004	Tổng Văn Phú	24/10/2007	CCQ2511A	Phu		8.1	7.7	7.9
37	2125110243	Huỳnh Hoàng Phúc	01/01/2007	CCQ2511G			✓	✓	✓
38	2125110013	Nguyễn Hữu Tấn Phước	03/11/2007	CCQ2511A			4.6	✓	✓
39	2125110031	Nguyễn Minh Phước	11/08/2006	CCQ2511A			✓	✓	✓
40	2125110008	Phạm Minh Quân	23/01/2007	CCQ2511A	Quân		8.4	8.5	8.5
41	2125110234	Bùi Trung Sơn	15/12/2007	CCQ2511G	Son		7.6	9.0	8.4
42	2125110106	Lâm Tấn Sỹ	01/01/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
43	2120060021	Lê Văn Tấn	10/07/1996	CCQ2006A	Tan		9.9	8.3	8.9
44	2124330076	Đạo Hoàng Thanh Thắng	22/10/2006	CCQ2433B			✓	✓	✓
45	2125110233	Phạm Minh Thành	06/02/2007	CCQ2511G	Thanh		10.0	9.0	9.4
46	2125110033	Nguyễn Thủy Tiên	17/04/2007	CCQ2511A	Tien		10.0	8.7	9.2
47	2125110270	Trần Thị Ngọc Trâm	09/01/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
48	2125110020	Vô Văn Vàng	12/09/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
49	2125110005	Huỳnh Thị Tuyết Vi	12/03/2007	CCQ2511A	Vi		10.0	8.8	9.3
50	2125110002	Trần Văn Vũ	09/04/2007	CCQ2511A			✓	✓	✓
51	2125110014	Nguyễn Thị Thảo Vy	15/06/2007	CCQ2511A	Vy		9.7	7.3	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204208] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511B)

CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 40...

Số bài thi: 40...

Số tờ giấy thi: 40...

Nguyễn Ngọc
Ân Thy

Nguyễn Ngọc
Ân Thy

Nguyễn Ngọc
Ân Thy

Nguyễn Ngọc
Ân Thy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125110041	Trần Công An	01/02/2006	CCQ2511B	1		9.0	9.0	9.0
2	2125110043	Trương Tuấn Anh	23/07/2007	CCQ2511B	1		7.5	7.0	7.2
3	2125110066	Nguyễn Thành Công	29/10/2007	CCQ2511B	1		7.0	7.0	7.0
4	2125110037	Vũ Đình Đăng	21/06/2007	CCQ2511B	1		8.5	8.5	8.5
5	2125110062	Nguyễn Tiến Đạt	04/09/2007	CCQ2511B					
6	2125110061	Nguyễn Tấn Dũng	08/06/2007	CCQ2511B	1		8.0	7.5	7.7
7	2125110267	Trương Văn Dũng	18/09/2006	CCQ2511G	1		9.0	7.0	7.8
8	2125110054	Nguyễn Trọng Dương	06/03/2005	CCQ2511B	1		7.0	7.0	7.0
9	2125110038	Lê Lưu Minh Duy	29/06/2007	CCQ2511B	1		8.5	7.5	7.9
10	2125150227	Lê Quang Hạnh	19/03/2007	CCQ2515F	1		7.5	7.5	7.5
11	2125110039	Lê Đức Hậu	24/12/2007	CCQ2511B	1		8.5	7.0	7.6
12	2125110057	Đinh Trung Hiếu	23/07/2007	CCQ2511B	1		6.5	7.5	7.1
13	2125110055	Nguyễn Văn Hiếu	10/11/2007	CCQ2511B	1		8.5	7.5	7.9
14	2125110058	Lê Ngọc Hoàng	20/08/2003	CCQ2511B	1		8.5	7.0	7.6
15	2125110268	Trương Văn Ngọc Hùng	20/09/2007	CCQ2511G					
16	2125110255	Nguyễn Khánh Hưng	03/08/2006	CCQ2511G					
17	2125110046	Nguyễn Lâm Huy	06/09/2007	CCQ2511B	1		6.5	6.5	6.5
18	2125110068	Nguyễn Phan Gia Huy	13/06/2005	CCQ2511B	1		7.5	7.0	7.2
19	2125110244	Đỗ Minh Khang	07/06/2007	CCQ2511B	1		8.5	7.5	7.9
20	2125110069	Nguyễn An Khang	01/05/2007	CCQ2511B	1		8.5	7.0	7.6
21	2125110067	Đỗ Thuý Hân Khánh	21/05/2007	CCQ2511B					
22	2125110065	Trần Hậu Quốc Khánh	03/09/2007	CCQ2511B	1		6.5	7.5	7.1
23	2125110253	Huỳnh Khiêm	30/04/2007	CCQ2511G	1		8.0	8.0	8.0
24	2125110040	Bùi Anh Khoa	11/07/2004	CCQ2511B	1		8.0	8.0	8.0
25	2125110050	Mai Chí Kiên	04/12/2005	CCQ2511B	1		8.0	7.5	7.7
26	2125110051	Trần Anh Tuấn Kiệt	03/08/2007	CCQ2511B					
27	2125110252	Bùi Viết Lâm	21/11/2006	CCQ2511G	1		8.0	7.5	7.7
28	2125110048	Nguyễn Thùy Linh	05/08/2007	CCQ2511B	1		7.5	8.0	7.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

Môn học : [22204208] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511B)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 40
Số bài thi: 40
Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121240070	Nguyễn Đức Lộc	02/10/2003	CCQ2124C					
30	2125110053	Nguyễn Hoàng Long	19/02/2007	CCQ2511B	1	Long	6.0	6.0	6.0
31	2125110269	Nguyễn Nhật Long	03/08/2007	CCQ2511G	1	Long	7.5	7.5	7.5
32	2125110254	Trần Hữu Nghĩa	22/07/2007	CCQ2511G					
33	2125110257	Nguyễn Khánh Ngọc	06/08/2007	CCQ2511G	1	Khánh Ngọc	8.0	8.0	8.0
34	2125110063	Trần Đình Nguyên	09/09/2007	CCQ2511B					
35	2125110263	Phan Thị Hồng Phấn	29/04/2007	CCQ2511G	1	Hồng Phấn	9.0	7.0	7.8
36	2125110256	Lâm Khánh Phát	05/06/2007	CCQ2511G	1	Phát	7.5	7.5	7.5
37	2125110251	Nguyễn Ngọc Minh Quang	21/07/2004	CCQ2511G					
38	2125110064	Phan Quý	05/05/2007	CCQ2511B	1	Quý	8.5	8.5	8.5
39	2122050130	Đương Minh Tân	22/12/2004	CCQ2205D					
40	2125110250	Dương Văn Tân	10/12/2007	CCQ2511G	1	Tân	7.0	7.5	7.3
41	2125110047	Trần Châu Thanh	11/08/2007	CCQ2511B	1	Thanh	8.0	7.0	7.4
42	2125110266	Lê Quốc Thịnh	27/09/2007	CCQ2511G	1	Thịnh	7.0	7.0	7.0
43	2125110149	Nguyễn Bá Toàn	27/12/2006	CCQ2511B	1	Toàn	6.5	6.5	6.5
44	2125110071	Đinh Thanh Trí	22/10/2007	CCQ2511B	1	Trí	8.0	7.0	7.4
45	2125110072	Nguyễn Anh Trung	13/06/2007	CCQ2511B	1	Trung	8.0	7.0	7.4
46	2125110045	Phạm Đan Nhật Trường	21/08/2007	CCQ2511B	1	Trường	7.0	7.5	7.3
47	2125110052	Bùi Tấn Anh Tú	19/07/2007	CCQ2511B	1	Tú	7.5	7.0	7.2
48	2125110059	Cao Minh Tú	27/02/2007	CCQ2511B	1	Tú	6.5	7.5	7.1
49	2125110044	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	29/06/2006	CCQ2511B	1	Tuấn	7.0	7.5	7.3
50	2125110195	Ninh Tuấn Vệ	19/08/2007	CCQ2511B	1	Vệ	8.5	8.5	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22204209] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511C)

Số SV có mặt: $30 + 1 = 31$
Số bài thi: $30 + 1 = 31$

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi: $30 + 1$

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125110137	Lương Văn Tuấn Anh	08/02/2005	CCQ2511C		Anh	7.9	7.0	7.4
2	2121110281	Đào Huy Bắc	18/11/2003	CCQ2111H		Bac	6.6	6.7	6.7
3	2125110101	Đào Thanh Bình	06/02/2007	CCQ2511C					
4	2125110105	Trần Đức Bình	19/11/2007	CCQ2511C		Binh	8.2	7.8	8.0
5	2125110090	Nguyễn Phúc Cường	28/01/2004	CCQ2511C		Cuong	6.2	6.8	6.6
6	2122170082	Nguyễn Tấn Dũng	12/08/2004	CCQ2217B		Dung	7.8	7.5	7.6
7	2125110104	Phùng Thị Mỹ Duyên	10/12/2001	CCQ2511C		Phung	8.7	8.5	8.6
8	2125110100	Phạm Thanh Hiếu	01/09/2007	CCQ2511C		Hien	6.2	5.5	5.8
9	2125110098	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	22/03/2007	CCQ2511C		Huy	8.9	7.8	8.2
10	2125110083	Nguyễn Ngọc Huy	11/11/2007	CCQ2511C		Huy	8.7	7.5	8.0
11	2121070036	Nguyễn Quang Huy	12/11/2000	CCQ2107B		Huy	9.0	9.3	9.2
12	2125110193	Prum Thanh Kha	14/11/2007	CCQ2511C		Kha	9.2	8.5	8.8
13	2125110073	Dặng Lê Hữu Kiên	01/06/2006	CCQ2511C		Kien	8.5	8.5	8.5
14	2125110084	Nguyễn Văn Châu Lập	27/07/2006	CCQ2511C		Lap	9.4	5.0	9.0
15	2125110078	Lê Quang Linh	07/06/2007	CCQ2511C		Linh	9.4	8.8	9.0
16	2125110079	Doãn Thanh Lộc	05/10/2006	CCQ2511C			1.6		
17	2125110080	Nguyễn Hải Long	10/11/2007	CCQ2511C			0.0		
18	2125110074	Lê Khả Minh	02/09/2007	CCQ2511C		Minh	6.6	6.8	6.7
19	2125110261	Đỗ Trung Nghĩa	14/11/2001	CCQ2511C			9.8	9.5	9.6
20	2124240070	Nguyễn Hương Thảo Nguyên	04/04/2006	CCQ2424B			0		
21	2125110148	Vũ Hữu Thành Nhân	18/11/2003	CCQ2511C			0		
22	2125110093	Nguyễn Anh Nhát	22/04/2007	CCQ2511C			0		
23	2124240045	Phạm Thị Trúc Nhi	13/03/2006	CCQ2424B			0		
24	2125110107	Phạm Công Quyền	22/10/2007	CCQ2511C		Quy	8.1	7.5	7.7
25	2125110085	Hoàng Sơn	21/01/2007	CCQ2511C		Son	6.2	6.8	6.6
26	2125110095	Huỳnh Anh Tài	27/07/2007	CCQ2511C		Tai	8.7	9.5	9.2
27	2125110103	Nguyễn Đình Tài	24/12/2007	CCQ2511C		Tai	7.7	8.5	8.2
28	2125110082	Nguyễn Quang Thắng	26/07/2007	CCQ2511C		Thang	8.4	8.3	8.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Handwritten signatures of examiners]

Môn học : [22204209] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511C) Số SV có mặt:.....*31*
Số bài thi:*31*
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi:.....*31*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125110081	Trần Lê Quốc	Thành	15/10/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	9,2	9,5	9.4
30	2125110211	Trịnh Cường	Thịnh	01/08/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	9,0	9,2	9.1
31	2122110531	Nguyễn Thủy	Tiên	09/01/2004	CCQ2211M			3,4	✓	
32	2125110076	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/01/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	8,9	8.8	8.8
33	2125110034	Nguyễn Phan Hữu	Trí	24/11/2007	CCQ2511C			1,6	✓	
34	2125110099	Trương Minh	Trí	16/08/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	8,2	7.8	7.8
35	2125110091	Lê Minh	Triết	17/07/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	8,5	8.0	8.2
36	2125110096	Bùi Thanh	Tú	25/04/2007	CCQ2511C			0	✓	
37	2125110088	Trần Anh	Tuấn	26/01/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	9,7	8.8	9.2
38	2125110097	Trần Nhật	Tường	31/10/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	8,6	8.0	8.2
39	2125110094	Nguyễn Thị Tố	Uyên	04/09/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	9,0	8.8	8.9
40	2125110092	Trịnh Quốc	Vương	30/07/2007	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	8,7	8.2	8.4
41	2125110086	Trần Tuấn	Vỹ	13/06/2006	CCQ2511C		<i>[Signature]</i>	7,2	7.8	7.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511D)

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125110129	Phong Bình	An	20/02/2005	CCQ2511D	8	AN	8,3	8,90	8,7
2	2124240065	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/04/2003	CCQ2424B		Kim	6,8	8,5	7,8
3	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	CCQ2324E		Quốc	7,6	6,8	7,1
4	2125110132	Cao Thành	Chính	01/11/2007	CCQ2511D			0		
5	2125110126	Võ Vũ Phú	Dăng	13/11/2007	CCQ2511D		Dang	8,1	6,8	7,3
6	2125110272	Lê Thành	Đạt	06/02/2006	CCQ2511D		Đạt	7,4	6,90	7,2
7	2125110125	Lê Quý	Dương	17/12/2007	CCQ2511D			0		
8	2121170448	Nguyễn Quốc	Duy	16/02/2003	CCQ2117M			0		
9	2125110121	Trần Thế	Duy	18/11/2007	CCQ2511D		Thế	9,5	9,2	9,3
10	2125110115	Trần Minh	Hiếu	20/09/2000	CCQ2511D					
11	2125110110	Trần Trương Minh	Hòa	13/01/2007	CCQ2511D		Hòa	8,1	6,8	7,3
12	2125110141	Trần Thanh	Hoài	16/10/2006	CCQ2511D		Thanh	9,0	8,5	8,7
13	2125110113	Nguyễn Minh	Kha	15/05/2007	CCQ2511D		Minh	8,1	7,0	7,4
14	2125110108	Mai Tấn	Khá	19/09/2007	CCQ2511D		Tấn	7,8	6,5	7,0
15	2125110143	Phan Hoàng	Khang	10/02/2005	CCQ2511D			0,0		
16	2125110114	Nguyễn Minh	Khương	22/04/2007	CCQ2511D		Minh	8,3	7,8	8,0
17	2125110275	Hồ Nguyễn Thành	Lộc	25/11/2005	CCQ2511G			0		
18	2125110111	Phạm Văn	Long	11/05/2007	CCQ2511D		Long	6,9	6,5	6,7
19	2125110112	Nguyễn Gia	Nghiêm	02/06/2007	CCQ2511D		Nghiêm	6,6	7,0	6,8
20	2125110133	Lê Chí	Nguyễn	17/10/2007	CCQ2511D		Nguyễn	9,4	9,0	9,2
21	2125110124	Đinh Xuân	Nội	06/10/2005	CCQ2511D		Nội	9,8	9,3	9,5
22	2125110260	Đỗ Thanh	Phong	21/07/2007	CCQ2511D			0,0		
23	2125110123	Tạ Văn	Quân	16/06/2006	CCQ2511D		Quân	7,4	8,5	8,1
24	2125110262	Trần Văn	Quý	15/03/2004	CCQ2511D			0,0		
25	2125110159	Võ Minh	Quốc	01/02/2007	CCQ2511D		Quốc	6,8	6,8	6,8
26	2125110109	Nguyễn Thanh	Sang	05/02/2007	CCQ2511D		Thanh	8,1	7,5	7,7
27	2125110131	Nguyễn Phú	Sĩ	09/07/2006	CCQ2511D		Phú	8,5	8,0	8,2
28	2125110142	Nguyễn Tấn	Tài	18/04/2007	CCQ2511D		Tài	6,8	7,0	6,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511D)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi: 28

(Handwritten signatures of examiners)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125110117	Nguyễn Văn Thành	Tài	19/09/2007	CCQ2511D		✓	2.0		
30	2125110138	Trần Tấn	Tài	14/01/2007	CCQ2511D		✓	1.9		
31	2125110136	Phan Duy	Thái	29/11/2006	CCQ2511D		Thái	7.9	6.5	7.1
32	2125110116	Trần Phùng Quốc	Thái	15/10/2007	CCQ2511D		Thái ✓	7.8	7.5	7.6
33	2125110134	Võ Phi	Thái	24/05/2007	CCQ2511D		Thái	9.3	8.5	8.8
34	2125110144	Phạm Nguyễn Hải	Thành	04/07/2005	CCQ2511D		Thành	9.2	8.9	9.1
35	2125110119	Ngô Quốc	Thịnh	01/01/2006	CCQ2511D		✓	0.1		
36	2125110264	Nguyễn Ngô Huy	Thịnh	29/11/2007	CCQ2511G		Huy	8.2	8.5	8.4
37	2125110135	Phan Tấn	Thuận	24/01/2007	CCQ2511D		Tấn	6.6	8.8	7.4
38	2125110139	Trần Ngọc Hoàng	Trình	25/11/2007	CCQ2511D		Trình	9.4	8.8	9.0
39	2125110273	Nguyễn Phi	Trình	24/01/2007	CCQ2511D		Phi	9.1	8.7	8.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511E)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

(Chữ ký và đóng dấu của các cán bộ coi thi và giáo viên chấm thi)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125110146	Dương Hoài An	11/08/2007	CCQ2511E		An	7.5	6.0	6.6
2	2125110259	Hồ Phương An	17/02/2006	CCQ2511E		An	8.7	8.0	8.3
3	2121170038	Thạch Đức An	07/12/2003	CCQ2117B			-	-	-
4	2125110274	Mai Hoàng Anh	04/09/2007	CCQ2511E			-	-	-
5	2125110152	Nguyễn Trí Công	18/12/2007	CCQ2511E		Con	8.7	7.0	7.8
6	2125110163	Nguyễn Anh Cường	21/10/2007	CCQ2511E			-	-	-
7	2125110184	Nguyễn Ngọc Đăng	26/08/2007	CCQ2511E			-	-	-
8	2125110157	Lê Minh Đạt	14/08/2007	CCQ2511E		Dat	8.1	8.0	8.0
9	2125110167	Nguyễn Minh Đạt	26/04/2007	CCQ2511E		Dat	8.1	7.0	7.4
10	2125110180	Trịnh Hoàng Đạt	03/09/2007	CCQ2511E			8.1	8.0	8.0
11	2124040055	Nguyễn Anh Đức	22/08/2006	CCQ2404B			-	-	-
12	2125110166	Nguyễn Ngọc Duy	25/10/2007	CCQ2511E		Duy	8.9	8.3	8.5
13	2125110162	Nguyễn Ngọc Hải	28/04/2007	CCQ2511E			8.6	5.5	6.7
14	2125110186	Nguyễn Dương Trung Hậu	28/10/2007	CCQ2511E		ahau	8.2	7.8	8.0
15	2125110165	Trương Gia Hiền	25/12/2007	CCQ2511E			8.9	8.5	8.7
16	2125110171	Hồ Hoàng Hữu Hiếu	26/09/2007	CCQ2511E		hiu	9.4	8.0	8.6
17	2125110154	Phạm Thị Mỹ Hoa	01/05/2007	CCQ2511E			8.9	8.0	8.4
18	2122170697	Trần Quốc Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L			8.7	7.0	7.7
19	2125110265	Nguyễn Hữu Hưng	14/05/2007	CCQ2511E		hu	7.1	7.5	7.3
20	2125110183	Nguyễn Ngọc Hưng	03/05/2007	CCQ2511E			8.8	9.0	8.9
21	2125110160	Trần Hưng Đăng Khoa	27/09/2007	CCQ2511E			-	-	-
22	2125110153	Lê Phạm Anh Khôi	16/10/2007	CCQ2511E		kh	7.7	7.0	7.3
23	2125110173	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	31/08/2007	CCQ2511E			-	-	-
24	2125110178	Bùi Gia Kiệt	05/12/2007	CCQ2511E		Kiet	7.0	6.0	6.4
25	2125110164	Đàm Huy Hoài Linh	10/07/2007	CCQ2511E			-	-	-
26	2125110187	Nguyễn Văn Lợi	26/02/2007	CCQ2511E		Loi	9.1	8.3	8.6
27	2125110172	Cái Đại Thành Long	24/01/2007	CCQ2511E		Long	8.8	8.0	8.3
28	2125110174	Lý Thái Long	15/11/2007	CCQ2511E		Long	9.1	7.5	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Signature]
T. Vinh

[Signature]
Đào Thị Diệu
[Signature]
T. Vinh

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511E)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125110248	Nguyễn Ngọc Gia	Long	10/10/2006	CCQ2511E		<i>Long</i>	7.9	8.5	8.3
30	2125110156	Lê Anh	Mìn	22/10/2007	CCQ2511E		<i>Mìn</i>	8.5	8.5	8.5
31	2125110145	Bùi Văn	Nam	20/10/2002	CCQ2511E		<i>Nam</i>	7.8	7.0	7.3
32	2125110161	Nguyễn Thành	Nhân	01/11/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	8.7	8.8	8.8
33	2125110232	Trần Trọng	Nhân	25/11/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	6.3	7.0	6.7
34	2125110168	Phạm Tấn	Phát	25/07/2007	CCQ2511E		<i>Phạm Tấn</i>	8.8	8.3	8.5
35	2125110170	Bùi Trọng	Thân	27/04/2007	CCQ2511E		<i>Thân</i>	5.4	6.5	6.1
36	2125110158	Tăng Quốc	Thành	04/09/2007	CCQ2511E		<i>Thành</i>	8.6	8.5	8.5
37	2125110177	Nguyễn Doãn Hoàng	Trung	30/11/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	9.1	8.3	8.6
38	2125110169	Nguyễn Minh	Trường	05/04/2007	CCQ2511E		<i>Trường</i>	8.0	7.0	7.4
39	2125110175	Nguyễn Minh	Trường	08/02/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	7.4	5.0	6.0
40	2125110176	Nguyễn Hồ Bảo	Tuấn	12/11/2007	CCQ2511E		<i>Tuấn</i>	8.9	8.3	8.5
41	2125110155	Nguyễn Sơn	Tùng	10/12/2007	CCQ2511E		<i>Sơn</i>	7.1	7.0	7.0
42	2125110181	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	07/05/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	8.9	8.0	8.4
43	2125110182	Nông Hoàng	Việt	20/03/2007	CCQ2511E		<i>[Signature]</i>	8.8	7.5	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511H)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 40...
Số bài thi:40...
Số tờ giấy thi:40

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Văn Hùng
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125350115	Nguyễn Hoàng Bảo	An	27/09/2007	CCQ2535C			10.0	9.1	9.4
2	2125350096	Nguyễn Tấn Tường	An	28/04/2005	CCQ2535C			8.4	8.0	8.2
3	2125350103	Trương Nguyễn Hiếu	An	15/07/2007	CCQ2535C			8.4	8.5	8.5
4	2125350082	Nguyễn Duy	Ân	13/12/2006	CCQ2535C			7.6	7.0	7.2
5	2125350120	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	15/11/2007	CCQ2535C			7.2	✓	✓
6	2125350122	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	30/07/2007	CCQ2535C			10.0	9.0	9.4
7	2125350091	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/02/2007	CCQ2535C			7.4	8.8	8.2
8	2125350119	Trịnh Thụy Quỳnh	Anh	20/12/2007	CCQ2535C			8.2	8.6	8.4
9	2125350106	Trần Đình	Chức	12/04/2007	CCQ2535C			8.8	9.4	9.1
10	2125350081	Vương Đình	Đạt	09/10/2007	CCQ2535C			✓	✓	✓
11	2124170217	Lê Đình	Đức	30/07/2006	CCQ2417G			✓	✓	✓
12	2125350090	Nguyễn Trần Nhật	Duy	06/03/2007	CCQ2535C			5.4	5.7	5.6
13	2125350110	Phạm Thị Khánh	Hà	29/11/2007	CCQ2535C			8.8	6.8	7.6
14	2125350111	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/09/2007	CCQ2535C			8.0	8.1	8.1
15	2125350112	Huỳnh Ngọc Thanh	Hiền	05/05/2007	CCQ2535C			9.1	8.0	8.4
16	2125350080	Dương Trung	Hoà	10/01/2005	CCQ2535C			8.2	8.3	8.3
17	2125350108	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	07/12/2007	CCQ2535C			8.8	8.4	8.6
18	2125350113	Lý Vinh	Khang	27/09/2007	CCQ2535C			10.0	8.5	9.5
19	2125350109	Trần Gia	Khang	29/10/2007	CCQ2535C			10.0	7.9	8.7
20	2125350095	Phạm Gia	Khiêm	20/09/2007	CCQ2535C			9.4	8.2	8.7
21	2125350097	Bùi Võ Trúc	Linh	31/12/2007	CCQ2535C			9.2	6.8	7.8
22	2125350086	Huỳnh Tấn	Lộc	25/06/2007	CCQ2535C			9.2	6.4	7.5
23	2125350085	Nguyễn Phước	Minh	28/04/2007	CCQ2535C			6.6	7.7	7.2
24	2125350084	Lê Hoài	Nam	25/11/2005	CCQ2535C			7.6	7.0	7.2
25	2125350117	Nguyễn Bảo	Ngọc	19/09/2007	CCQ2535C			10.0	8.5	9.1
26	2125350076	Đỗ Thị Yến	Nhi	23/09/2007	CCQ2535C			10.0	9.2	9.5
27	2125350100	Lê Tâm	Như	29/04/2007	CCQ2535C			8.5	7.9	8.1
28	2125350116	Trần Nguyễn Thanh	Như	25/03/2007	CCQ2535C			10.0	9.2	9.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511H)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 40...
Số bài thi:40..
Số tờ giấy thi: 40.

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thiên Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A		<i>Phong</i>	10.0	7.8	8.7
30	2125350079	Lê Minh Thiên	Phúc	13/09/2007	CCQ2535C		<i>Phúc</i>	2,1	7.5	5.3
31	2125350083	Lê Tài	Phúc	08/09/2004	CCQ2535C		<i>Bz</i>	9.7	7.9	8.6
32	2125350088	La Thị Bích	Phượng	25/03/2007	CCQ2535C		<i>Phúc</i>	9.8	7.6	8.5
33	2125350098	Nguyễn Hữu	Tài	14/11/2007	CCQ2535C		<i>Tài</i>	6.6	7.0	6.8
34	2125350093	Huỳnh Quốc	Thắng	06/11/2007	CCQ2535C		<i>Thắng</i>	9.6	7.3	8.2
35	2125350102	Nguyễn Cao Anh	Thư	04/03/2007	CCQ2535C			✓	✓	✓
36	2125350114	Trần Anh	Thư	12/08/2007	CCQ2535C		<i>Bz</i>	10.0	7.7	8.6
37	2125350089	Trương Văn	Thương	09/11/2007	CCQ2535C		<i>Thư</i>	7.2	7.0	7.1
38	2125350107	Lê Thị Phương	Thúy	27/12/2007	CCQ2535C		<i>Thúy</i>	8.7	8.0	8.2
39	2125350121	Nguyễn Ngọc Phương	Thy	06/09/2007	CCQ2535C		<i>Thy</i>	10.0	9.1	9.5
40	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D		<i>Toàn</i>	5.0	8.0	6.8
41	2125350123	Nguyễn Trần	Trân	16/05/2007	CCQ2535C			✓	✓	✓
42	2125350118	Lương Ngọc Thủy	Trúc	30/08/2007	CCQ2535C			✓	✓	✓
43	2125350104	Nguyễn Đức	Trung	15/02/2007	CCQ2535C		<i>Bz</i>	10.0	8.0	8.8
44	2125350077	Lê Văn	Tùng	10/09/2007	CCQ2535C			✓	✓	✓
45	2125350092	Lê Hồng	Xuyến	07/06/2007	CCQ2535C		<i>Bz</i>	10.0	9.2	9.5
46	2125350099	Nguyễn Thuý Thiên	Ý	17/09/2005	CCQ2535C		<i>Thy</i>	10.0	9.5	9.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22204213] - Kỹ năng mềm
(CCQ2513A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh

Le Thi Thanh Ha

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	Đ. QT (%)	Đ. QT PP
1	2125130009	Nguyễn Thị Tuyết	Ân	20/11/2007	CCQ2513A	1	Arz	7.5	7.5	7.5
2	2125130012	Mai Huỳnh	Anh	20/11/2007	CCQ2513A	1	Anh	7	8	7.6
3	2125130004	Phạm Huỳnh	Anh	24/02/2007	CCQ2513A	1	Anh	7.5	7.5	7.5
4	2125130027	Chế Kim	Chi	27/04/2000	CCQ2513A	1	Chi	9	9	9
5	2125130035	Trần Thị Uyên	Chi	30/03/2007	CCQ2513A	1	Uyennhu	8.5	8	8.2
6	2125130018	Huỳnh Thị Thu	Đông	25/09/2006	CCQ2513A	1	Phu	8	8	8
7	2125130011	Tổng Thị Phương	Dung	23/10/2007	CCQ2513A	1	Dung	8.5	8.5	8.5
8	2125130023	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	25/02/2007	CCQ2513A	1	Duyen	8.5	8	8.2
9	2125360063	Đặng Nguyễn Hồng	Gấm	07/05/2007	CCQ2536A	1	Bam	8.5	8.5	8.5
10	2125130005	Nguyễn Hoàng Kim	Hân	22/08/2007	CCQ2513A	1	Han	8.5	8.5	8.5
11	2125130030	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	05/01/2007	CCQ2513A	1	anhngoc	9	8.5	8.7
12	2125130033	Mai Thị Kim	Hoa	13/01/2007	CCQ2513A	1	Hoa	8	8	8
13	2125130015	Phan Thị	Huyền	02/10/2000	CCQ2513A	1	Ph	8.5	8.5	8.5
14	2125130032	Lâm Thị	Lan	03/06/2007	CCQ2513A	1	Lan	8.5	8	8.2
15	2125130002	Võ Thị Mỹ	Lan	13/01/2007	CCQ2513A	1	Lan	8	8	8
16	2125130028	Lê Đào Trúc	Linh	05/01/2007	CCQ2513A	1	Linh	8	8	8
17	2125130013	Phạm Ngọc Khánh	Linh	16/03/2007	CCQ2513A	1	Jul	8	8	8
18	2125360059	Cao Mẫn	Nghi	18/05/2007	CCQ2536A					
19	2125360062	Đỗ Phương	Nghi	29/03/2007	CCQ2536A					
20	2125130025	Huỳnh Danh Tuyết	Ngọc	13/03/2007	CCQ2513A	1	ngoc	7.5	8	7.8
21	2125130008	Kim Khánh	Ngọc	20/03/2006	CCQ2513A	1	Ngoc	8	8	8
22	2125130016	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	23/04/2007	CCQ2513A	1	Ngoc	8	7.5	7.8
23	2125130010	Nguyễn Thị Như	Ngọc	09/10/2007	CCQ2513A	1	ngoc	8.5	8	8.2
24	2125130034	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/11/2007	CCQ2513A	1	ng	8	8	8
25	2125360060	Lê Quỳnh	Như	09/12/2007	CCQ2536A	1	Quynh	9	9	9
26	2125130059	Nguyễn Thuận	Như	13/02/2007	CCQ2513A	1	Nhu	8	8	8
27	2125360061	Nguyễn Phạm Duy	Quyển	13/02/2007	CCQ2536A					
28	2125130001	Trần Thị Hoài	Thu	18/11/2006	CCQ2513A	1	Thu	9	9	9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Môn thi: [2025.01.03] - Kỹ năng mềm
(CCQ2221A)

CBO: [2025.01.03] - Trần Thanh (220015)

Số SV có mặt: 30..

Số bài thi:30..

Số tờ giấy thi: 30..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

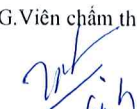
STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125130011	Dặng Thị Bích	Thủy	01/04/2004	CCQ2221A	1		8	8	8
30	2125130019	Vũ Thị Thủy	Tiên	09/11/2007	CCQ2513A	1	Thuytien	8	7.5	7.7
31	2125130020	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	03/02/2007	CCQ2513A	1	Tram	8.5	8	8.2
32	2125130040	Phan Thị Quỳnh	Trâm	20/03/2007	CCQ2513A	1	Pham	8.5	8	8.2
33	2125130026	Nguyễn Thị Tuyết	Trân	25/02/2007	CCQ2513A					
34	2125130031	Dặng Thị Kiều	Trinh	21/12/2007	CCQ2513A	1	Trinh	8	7.5	7.7
35	2125130006	Hằng Thị Phương	Trinh	07/11/2007	CCQ2513A	1	Phuong	8	8	8
36	2125130029	Bùi Thị Ngọc	Trúc	11/09/2007	CCQ2513A	1	Truc	8.5	8.5	8.5
37	2125130014	Cao Thị Thanh	Trúc	16/08/2007	CCQ2513A	1	Thanh	8	8	8
38	2125130017	Trần Thị Thanh	Tuyền	04/06/2007	CCQ2513A	1	Tran	8.5	8.5	8.5
39	2125130022	Lã Thuý Phương	Uyên	25/04/2007	CCQ2513A	1	Phuong	8.5	8.5	8.5
40	2125130007	Phan Ngọc Thảo	Vy	01/01/2007	CCQ2513A	1	Thao	8.5	8	8.2
41	2125130079	Võ Kiều	Vy	17/11/2007	CCQ2513B	1	Vy	8.5	8.5	8.5
42	2125130003	Hà Nhật	Yến	18/01/2004	CCQ2513A	1	Nguyen	7	7	7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

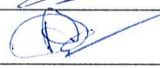
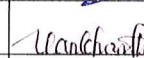
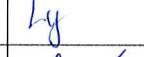

Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu


T. Vĩnh

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2513B)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125130057	Trần Cao Thúy	Ái	03/12/2007	CCQ2513B	1		9,0	9,0	9,0
2	2125130040	Lương Thị Ngọc	Bích	04/04/2003	CCQ2513B	1		8,8	8,5	8,6
3	2125130067	Đồng Ngọc Kim	Cương	29/10/2007	CCQ2513B	1		9,8	8,5	9,0
4	2125130073	Trần Thị Linh	Đan	15/08/2006	CCQ2513B	1		10,0	8,6	9,2
5	2125130063	Cù Võ Thị Anh	Đào	18/09/2007	CCQ2513B	1		10,0	8,9	9,3
6	2125130061	Võ Thị Ngọc	Hân	30/07/2007	CCQ2513B			7,4	0,0	3,0
7	2125130065	Nguyễn Thị Xuân	Hậu	30/06/2007	CCQ2513B	1		8,9	8,0	8,4
8	2125130074	Nguyễn Thị Thu	Hoài	04/04/2007	CCQ2513B	1		9,3	8,5	8,8
9	2125130042	Nguyễn Thị Thu	Hường	05/02/2007	CCQ2513B	1		8,9	7,8	8,2
10	2125130043	Hồ Văn	Khanh	27/07/1998	CCQ2513B	1		9,0	7,5	8,1
11	2125130053	Nguyễn Thùy	Linh	17/07/2007	CCQ2513B	1		7,8	8,0	7,9
12	2125130039	Phạm Khánh	Linh	26/04/2007	CCQ2513B	1		8,8	7,8	8,2
13	2125130068	Trần Khánh	Linh	17/12/2007	CCQ2513B	1		8,5	8,5	8,5
14	2125130051	Giã Nguyễn Yến	Ly	27/08/2007	CCQ2513B	1		8,5	8,0	8,2
15	2125130038	Lê Thị Trúc	Ly	22/09/2007	CCQ2513B	1		8,7	8,0	8,3
16	2124210128	Bá Thị Như	Mỹ	09/10/2005	CCQ2421D	1		8,0	8,0	8,0
17	2125130070	Lê Trần La	Na	24/06/2007	CCQ2513B	1		8,8	7,8	8,2
18	2125130041	Võ Thị Anh	Nam	27/11/2005	CCQ2513B	1		8,5	9,0	8,8
19	2125130054	Võ Ngọc Trang	Nhã	23/03/2005	CCQ2513B	1		8,5	9,5	9,1
20	2125130083	Bùi Phương Yến	Nhi	04/08/2007	CCQ2513B			0,0		
21	2125130045	Huỳnh Nguyễn Khánh	Như	16/01/2007	CCQ2513B	1		7,7	7,8	7,8
22	2125130055	Lê Thị Thảo	Như	27/09/2007	CCQ2513B	1		9,5	9,5	9,5
23	2125130066	Trần Ngọc Quỳnh	Như	19/06/2007	CCQ2513B	1		8,3	7,5	7,8
24	2125130062	Trương Thị Hân	Ny	29/01/2007	CCQ2513B	1		8,5	7,5	7,9
25	2125130048		Pát	07/08/2007	CCQ2513B	1		7,8	7,5	7,6
26	2125130077	Trần Bình	Quyên	09/12/2007	CCQ2513B	1		8,8	8,0	8,3
27	2125130076	Nguyễn Thị Tuyết	Thảo	24/11/2007	CCQ2513B	1		7,9	7,0	7,4
28	2125130071	Nguyễn Thị Bích	Thùy	07/04/2007	CCQ2513B	1		7,9	7,8	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2513B)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi: 37
Số tờ giấy thi: 37

Cán bộ coi thi 1
Đào Thị Diệu

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Đào Thị Diệu

G.Viên chấm thi 2
T.T. Vinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125130060	Nguyễn Thu	Thuyền	24/04/2007	CCQ2513B	1	Thuyền	9,3	7,8	8,4
30	2125130075	Trần Nguyễn Huỳnh	Thy	22/02/2003	CCQ2513B			5,3	0,0	2,1
31	2125130056	Dương Thị Thùy	Tiên	08/10/2007	CCQ2513B	1	hết	9,1	8,0	8,4
32	2125130037	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	03/05/2007	CCQ2513B	1	Tiên	7,8	8,5	8,2
33	2125130050	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04/01/2006	CCQ2513B	1	Trâm	8,8	8,0	8,3
34	2125130052	Tạ Hồ Quỳnh	Trâm	18/02/2007	CCQ2513B			3,0	0,0	1,2
35	2120190106	Lương Ngọc	Trân	25/08/2002	CCQ2019A	1	Trân	10,0	10,0	10,0
36	2125130036	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/12/2002	CCQ2513B	1	Trang	9,3	8,5	8,8
37	2125130069	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/10/2007	CCQ2513B	1	Trúc	8,8	7,0	7,7
38	2125130081	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	01/03/2007	CCQ2513B	1	Uyên	8,3	8,5	8,4
39	2125130064	Nguyễn Thị Thanh	Vân	27/01/2007	CCQ2513B	1		7,4	8,0	7,8
40	2125130058	Mùi Hoàng Nhật	Vy	06/03/2007	CCQ2513B	1		9,2	8,2	8,6
41	2125130072	Hồ Ngọc	Yến	29/01/2007	CCQ2513B	1		9,4	8,8	9,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204222] - Kỹ năng mềm
(CCQ2522A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 38...
Số bài thi:38...
Số tờ giấy thi: 38.

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125220027	Khổng Gia Bảo	18/12/2007	CCQ2522A			✓	✓	✓
2	2125220019	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	04/07/2007	CCQ2522A		Nguyễn Đỗ Gia Bảo	8.8	9.5	9.2
3	2125220018	Mang Duy	03/06/2006	CCQ2522A		Duy	8.4	8.0	8.2
4	2125220001	Hồ Thị Ngọc Diệu	25/12/2007	CCQ2522A		Diệu	6.4	8.8	7.8
5	2125220008	Nguyễn Văn Đức	12/06/2005	CCQ2522A		Đức	5.4	9.2	7.7
6	2125220031	Nguyễn Bình Dương	25/06/2005	CCQ2522A		Dương	10.0	8.5	9.1
7	2125350142	Trần Nguyễn Phương Duy	04/09/2006	CCQ2535C			✓	✓	✓
8	2125220011	Võ Nguyễn Hoàng Hà	25/01/2007	CCQ2522A		Hà	7.2	7.9	7.6
9	2125350143	Trần Ngọc Gia Hân	14/07/2006	CCQ2535C			✓	✓	✓
10	2125350131	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/08/2007	CCQ2535A		Hiền	8.2	9.2	8.8
11	2125220005	Nguyễn Trần Đình Hiếu	13/09/2007	CCQ2522A		Hiếu	7.2	8.9	8.2
12	2125350139	Đậu Huy Hoàng	10/10/2003	CCQ2535B		Hoàng	7.2	7.9	7.6
13	2125220016	Tin Sù Hôn	20/10/2007	CCQ2522A		Hôn	8.0	4.5	5.9
14	2125220030	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	30/07/2007	CCQ2522A		Hồng	7.6	9.5	8.7
15	2125220029	Trần Minh Hùng	26/11/2006	CCQ2522A		Hùng	8.2	8.3	8.3
16	2125220002	Trương Đỗ Duy Hưng	23/11/2007	CCQ2522A		Hưng	5.6	8.6	7.4
17	2125220024	Trần Thị Việt Hương	04/12/2007	CCQ2522A		Hương	6.6	8.8	7.9
18	2125220023	Trần Quốc Khang	08/03/2006	CCQ2522A		Khang	7.5	9.0	8.4
19	2125220010	Nguyễn Đăng Khoa	31/12/2005	CCQ2522A		Khoa	7.4	8.0	7.8
20	2125220014	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/01/2006	CCQ2522A		Linh	6.1	8.2	7.4
21	2125220026	Nguyễn Thị Trúc Linh	26/01/2007	CCQ2522A		Linh	8.5	9.3	9.0
22	2125350140	Thị Linh	24/09/2001	CCQ2535C		Linh	9.3	8.6	9.0
23	2125350132	Huỳnh Văn Hữu Luân	29/09/2007	CCQ2535A		Luân	10.0	9.3	9.6
24	2125350136	Nguyễn Bình Minh	28/01/2006	CCQ2535B			✓	✓	✓
25	2125220025	Đỗ Thanh Ngọc	05/05/2006	CCQ2522A		Ngọc	6.5	7.8	7.3
26	2125350141	Thiên Thị Mộng Nguyệt	15/06/2007	CCQ2535C		Nguyệt	10.0	8.6	9.2
27	2125220022	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	25/04/2007	CCQ2522A		Nhi	8.9	9.2	9.1
28	2125350134	Bá Thị Thiên Nhiên	13/12/2007	CCQ2535C		Niên	9.3	8.7	8.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204222] - Kỹ năng mềm
(CCQ2522A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 38...
Số bài thi:38...
Số tờ giấy thi: 38...
Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125350130	Bùi Hồng	Như	08/01/2007	CCQ2535A		<i>Như</i>	9.0	8.0	8.4
30	2125220033	Nguyễn Văn	Pháp	15/06/2006	CCQ2522A		<i>Pháp</i>	7.0	8.0	7.6
31	2125220012	Trịnh Ngọc	Phong	21/05/2007	CCQ2522A			✓	✓	✓
32	2125220028	Nguyễn Tiến	Phú	18/06/2007	CCQ2526F		<i>Phú</i>	10.0	9.0	9.4
33	2125350138	Nguyễn Đức	Phương	20/10/2006	CCQ2535B		<i>ĐP</i>	10.0	9.2	9.5
34	2125220013	Nguyễn Thị Bích	Phượng	05/07/2007	CCQ2522A		<i>Bích</i>	8.2	8.2	8.2
35	2125350135	Ngô Hoàng	Quốc	04/04/2007	CCQ2524C			✓	✓	✓
36	2125220020	Lê Phạm Mỹ	Tâm	18/12/2007	CCQ2522A		<i>Tâm</i>	10.0	9.5	9.7
37	2125220003	Trần Minh	Tâm	25/09/2007	CCQ2522A		<i>Minh</i>	5.3	8.6	7.3
38	2125220006	Nguyễn Văn	Thanh	17/02/2007	CCQ2522A		<i>Thanh</i>	7.2	9.5	8.6
39	2125350133	Trần Ngọc	Thúy	06/09/2006	CCQ2535A		<i>Thúy</i>	10.0	8.0	8.8
40	2125220004	Cao Trung	Tín	16/07/2007	CCQ2522A		<i>Trung</i>	8.5	8.5	8.5
41	2125220017	Vũ Trọng	Toàn	12/12/2003	CCQ2522A		<i>Toàn</i>	9.2	8.2	8.6
42	2125220032	Trần Quốc	Việt	06/07/2006	CCQ2522A		<i>Việt</i>	10.0	8.1	8.9
43	2125220009	Lương Minh	Vũ	01/11/2007	CCQ2522A		<i>Minh</i>	6.9	8.1	7.6
44	2125350129	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	26/07/2007	CCQ2535A			✓	✓	✓
45	2125220021	Lương Chí	Vỹ	29/10/2007	CCQ2522A		<i>Vỹ</i>	6.9	8.7	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204223] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524A)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn N

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

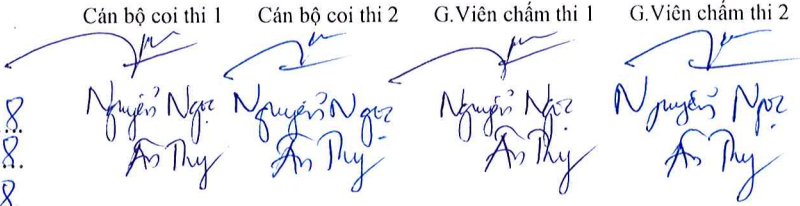
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125240010	Nguyễn Tấn Anh	05/01/2007	CCQ2524A	1	Anh	9.5	9.5	9.5
2	2125240006	Nguyễn Thị Kim Anh	04/05/2001	CCQ2524A	1	Anh	9.5	9.5	9.5
3	2125240023	Vũ Thị Lan Anh	24/01/2006	CCQ2530B	1	Anh	9.0	8.5	8.7
4	2125240004	Trương Thành Dư	30/04/2004	CCQ2524A	1	Anh	9.5	9.0	9.2
5	2125240002	Nguyễn Minh Hiếu	11/08/2007	CCQ2524A	1	Anh	7.5	8.5	8.1
6	2125240021	Nguyễn Văn Hiếu	05/04/2001	CCQ2524A	1	Hieu Van	8.5	9.0	8.8
7	2125240027	Đỗ Minh Hoài	13/03/2007	CCQ2524A	1	Hoi	9.0	8.0	8.4
8	2125240008	Phạm Trung Hoành	10/07/2007	CCQ2524A	1	Hoanh	9.0	8.5	8.7
9	2125240007	Trần Văn Hùng	11/11/2000	CCQ2524A	1	Hung	9.5	9.0	9.2
10	2125240009	Đoàn Ngọc Thiên Hương	14/12/2007	CCQ2524A	1	Huong	8.0	9.0	8.6
11	2125240020	Lâm Xuân Khánh	28/03/2007	CCQ2524A	1	Khanh	8.5	8.5	8.5
12	2125240005	Huỳnh Tuấn Kiệt	15/06/2006	CCQ2524A	1	Kiet	8.0	8.0	8.0
13	2125240016	Vũ Thế Kiệt	12/06/2007	CCQ2524A					
14	2125240114	Nguyễn Ngọc Hoa Ly	17/10/2005	CCQ2524A	1	Ly	8.5	8.0	8.2
15	2125240022	Thông Thị Kim Ngân	30/08/2007	CCQ2524A	1	Ngan	9.0	9.5	9.3
16	2125240014	Cao Thanh Nguyên	10/04/2007	CCQ2524A	1	Nguyen	8.0	8.5	8.3
17	2122180081	Hồ Đỗ Trung Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C					
18	2125240033	Trần Yến Nhi	29/11/2007	CCQ2524A	1	Nhi	8.0	8.5	8.3
19	2125240032	Đào Kim Phi	06/02/2007	CCQ2524A	1	Phi	7.5	8.5	8.1
20	2125240034	Đỗ Hoàng Phúc	13/07/2007	CCQ2524A	1	Phuc	9.0	9.0	9.0
21	2125240015	Phan Thị Ngọc Phương	28/04/2006	CCQ2524A	1	Phuong	9.0	8.0	8.4
22	2125240117	Trần Hoàn Mỹ Quân	16/09/2004	CCQ2524A					
23	2125240026	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/09/2006	CCQ2524A	1	Quynh	8.5	9.0	8.8
24	2125240018	Nguyễn Anh Thư	16/10/2007	CCQ2524A	1	Thu	9.5	8.5	8.9
25	2125240017	Trần Ngọc Minh Thư	30/09/2007	CCQ2524A	1	Thu	8.5	8.5	8.5
26	2125240028	Trương Huy Tuấn	27/11/2006	CCQ2524A	1	Tuan	8.0	8.0	8.0
27	2125240104	Lê Thị Thanh Tuyền	03/03/2007	CCQ2524A	1	Tuyen	8.5	8.0	8.2
28	2125240059	Trần Nguyễn Thảo Uyên	05/11/2007	CCQ2524A	1	Uyen	9.0	9.0	9.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2


Nguyễn Ngọc Anh Thy Nguyễn Ngọc Anh Thy Nguyễn Ngọc Anh Thy Nguyễn Ngọc Anh Thy

Môn học : [22204223] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524A)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi: 28.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125240029	Nguyễn Phước	Vạn	31/05/2005	CCQ2524A	1		10.0	9.5	9.7
30	2125240019	Trần Thị Thanh	Xuân	11/02/2005	CCQ2524A	1		9.5	8.5	8.9
31	2125240068	Nguyễn Hoàng	Yến	20/02/2007	CCQ2524A	1		8.0	9.0	8.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204224] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524B)

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn N Số tờ giấy thi: 32

Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125240058	Hoa Quốc Anh	30/10/2007	CCQ2524B	1		8.0	9.0	8.6
2	2125240057	Nguyễn Thị Diệu Châu	02/02/2007	CCQ2524B	1		8.0	8.5	8.3
3	2125240050	Nguyễn Quỳnh Chi	02/04/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.5	8.7
4	2125240066	Trần Anh Đức	12/08/2007	CCQ2524B	1		8.0	9.0	8.6
5	2125240069	Nguyễn Phương Dung	03/08/2007	CCQ2524B	1		8.0	9.0	8.6
6	2125240070	Lê Nhất Duy	28/11/2007	CCQ2524B	1		9.5	8.5	8.9
7	2125240042	Trần Thị Thu Hằng	25/07/2006	CCQ2524B	1		8.5	8.5	8.5
8	2125240074	Nguyễn Thị Ngọc Hương	12/04/2007	CCQ2524B	1		8.5	8.0	8.2
9	2125240054	Ngô Anh Huy	14/08/2004	CCQ2524B					
10	2125240046	Nguyễn Minh Khôi	19/02/2007	CCQ2524B	1		9.5	9.0	9.2
11	2125240067	Nguyễn Thân Việt Kiều	09/04/2007	CCQ2524B	1		9.5	8.5	8.9
12	2125240043	Trịnh Quang Linh	30/10/2005	CCQ2524B	1		8.0	8.0	8.0
13	2125240075	Huỳnh Bảo Lộc	20/09/2003	CCQ2524B	1		7.5	8.5	8.1
14	2125240051	Phạm Bích Ly	17/10/2007	CCQ2524B	1		8.0	8.0	8.0
15	2125240076	Nguyễn Xuân Mai	03/01/2007	CCQ2524B	1		8.0	8.0	8.0
16	2125240040	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	08/05/2004	CCQ2524B	1		8.5	9.0	8.8
17	2125240071	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/01/2007	CCQ2524B	1		9.0	9.0	9.0
18	2125240101	Nguyễn Ngọc Nhi	21/06/2007	CCQ2524B	1		7.5	8.5	8.1
19	2125240064	Trương Thảo Nhi	05/05/2007	CCQ2524B	1		8.5	8.0	8.2
20	2123240127	Nguyễn Hoàng Thục Nhiên	21/04/2005	CCQ2324A					
21	2125240048	Phạm Thị Kim Nhung	30/11/2007	CCQ2524B	1		8.5	8.0	8.2
22	2125240045	Lương Mỹ Phát	30/08/2005	CCQ2524B					
23	2125240082	Dương Hoàng Phúc	03/12/2007	CCQ2524B	1		8.0	8.5	8.3
24	2125240047	Nguyễn Nhân Tâm	07/11/2005	CCQ2524B	1		8.0	8.5	8.3
25	2125240062	Lưu Thị Hồng Thắm	14/09/2007	CCQ2524B	1		8.5	9.0	8.8
26	2125240049	Lê Thị Phương Thảo	24/09/2007	CCQ2524B	1		8.5	9.0	8.8
27	2125240044	Nguyễn Phương Thảo	26/10/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.0	8.4
28	2125240038	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/04/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.0	8.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204224] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524B)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi:.....

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125240056	Lê Hồng	Thuận	11/10/2007	CCQ2524B	1		8.5	8.5	8.5
30	2125240073	Nguyễn Hoàng Phương	Thủy	19/10/2007	CCQ2524B	1		8.5	8.5	8.5
31	2125240060	Huỳnh Thị Hồng	Thủy	26/01/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.5	8.7
32	2125240055	Phan Nguyễn Mỹ	Tiên	29/08/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.5	8.7
33	2125240065	Nguyễn Thùy	Trang	25/09/2007	CCQ2524B	1		7.5	8.5	8.1
34	2125240072	Đào Phương	Uyên	02/06/2006	CCQ2524B	1		9.5	8.5	8.9
35	2125240037	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	28/03/2007	CCQ2524B	1		9.0	8.0	8.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204229] - Kỹ năng mềm
(CCQ2535A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 33...

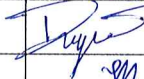
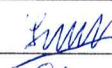
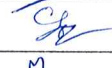
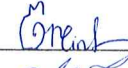
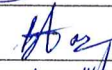
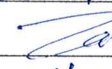
Số bài thi:33..

Số tờ giấy thi: 33


Nguyễn Thị Lê


Nguyễn Thị Lê

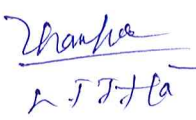

L.T.T.Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125350032	Nguyễn Cát Nguyên	Anh	01/10/2002	CCQ2535A			9,3	8,5	8,8
2	2125350009	Nguyễn Nguyệt	Anh	06/09/2007	CCQ2535A			8,6	7,2	7,8
3	2125350003	Nguyễn Trần Xuân	Bảo	18/02/2005	CCQ2535A			7,7	8,5	8,2
4	2125350128	Nguyễn Thành	Chính	26/05/2007	CCQ2535A					
5	2125350125	Trương Trần Hải	Đăng	26/07/2007	CCQ2535A					
6	2125350024	Vũ Khắc Thành	Đạt	30/10/2006	CCQ2535A			9,4	8,0	8,6
7	2125350027	Lê Hiền	Diệu	10/10/2001	CCQ2535A			9,8	8,7	9,1
8	2125350004	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	15/10/2006	CCQ2535A			6,4	9,0	8,0
9	2125350014	Phạm Phúc	Hậu	28/08/2007	CCQ2535A			7,4	6,9	7,1
10	2125350020	Lê Mỹ	Hoa	04/02/2004	CCQ2535A			6,9	7,0	7,0
11	2125350034	Thiều Tấn	Hồng	30/01/2007	CCQ2535A			8,5	7,7	8,0
12	2125350033	Phạm Quang	Huy	29/06/2007	CCQ2535A					
13	2125350035	Trương Tuấn	Kiệt	31/01/2007	CCQ2535A			6,4	7,5	7,1
14	2125350012	Nguyễn Thị Bích	Liều	25/09/2007	CCQ2535A			7,0	7,2	7,1
15	2125350008	Nguyễn Hoài	Lộc	01/04/2007	CCQ2535A			8,9	8,0	8,4
16	2125350127	Ngô Đình Gia	Minh	06/08/2007	CCQ2535A			8,7	7,8	8,2
17	2125350124	Trần Hoàng Anh	Minh	03/11/2007	CCQ2535A			9,3	7,4	8,2
18	2125350007	Trần Hoàng	Ngọc	08/02/2007	CCQ2535A			9,4	7,0	8,0
19	2125350022	Phạm Long	Nhật	06/11/2007	CCQ2535A			5,9	6,7	6,4
20	2125350126	Trương Nguyễn Yến	Nhi	28/02/2007	CCQ2535A			7,7	7,0	7,3
21	2125350016	Nguyễn Quỳnh	Như	06/08/2007	CCQ2535A			8,7	7,8	8,2
22	2125350005	Huỳnh Tấn	Phát	30/05/2007	CCQ2535A					
23	2125350001	Nguyễn Hoàng	Phong	15/10/2005	CCQ2535A			8,2	7,2	7,6
24	2125350026	Nguyễn Ngọc Băng	Tâm	09/09/2007	CCQ2535A			9,0	9,0	9,0
25	2125350019	Trần Duy	Tâm	13/04/2004	CCQ2535A			9,4	8,0	8,6
26	2125350029	Phạm Công	Tân	28/01/2004	CCQ2535A			9,2	8,0	8,5
27	2125350030	Nguyễn Hữu	Thiện	18/04/2007	CCQ2535A			6,3	8,0	7,3
28	2125350006	Nguyễn Thanh	Thúy	30/01/2007	CCQ2535A			8,2	7,2	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204229] - Kỹ năng mềm
(CCQ2535A)
CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 33
Số bài thi: 33
Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125350025	Hoàng Minh	Thy	28/06/2007	CCQ2535A			6,3	7,7	7,1
30	2125350011	Tăng Quỳnh	Thy	06/09/2007	CCQ2535A			9,0	7,0	7,8
31	2125350031	Phạm Ngọc	Tiên	21/12/2007	CCQ2535A		 ✓			
32	2125350010	Nguyễn Đặng Đại	Trang	31/05/2007	CCQ2535A			7,0	7,1	7,1
33	2125350023	Phùng Ngọc	Trình	29/03/2007	CCQ2535A		Trình	8,3	7,5	7,8
34	2125350017	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/05/2007	CCQ2535A		Trúc	7,4	8,1	7,8
35	2125350013	Nguyễn Quang	Trường	18/02/2004	CCQ2535A			9,5	8,7	9,0
36	2125350028	Nguyễn Lê Anh	Tú	01/10/2007	CCQ2535A		 ✓			
37	2125350002	Trần Quốc	Tuấn	20/09/2003	CCQ2535A			7,1	8,3	7,8
38	2125350018	Nguyễn Cao	Tuyền	07/10/2007	CCQ2535A			8,1	6,7	7,3
39	2125350015	Lâm Quốc	Việt	03/11/2007	CCQ2535A			7,8	7,2	7,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204230] - Kỹ năng mềm
(CCQ2535B)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 36...
Số bài thi:36..
Số tờ giấy thi: ...36

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu *Đ.T. Minh*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125350060	Huỳnh Thanh	Ân	20/05/2007	CCQ2535B	1	<i>ĐP</i>	7,8	8,5	8,2
2	2125350072	Võ Lâm Gia	Bảo	16/03/2007	CCQ2535B	1	<i>Bảo</i>	6,5	8,0	7,4
3	2125350055	Lương Huỳnh	Đức	27/03/2007	CCQ2535B	1	<i>Đức</i>	6,5	8,5	7,7
4	2125350057	Trần Minh	Đức	05/08/2007	CCQ2535B	1	<i>Đức</i>	6,8	8,5	7,8
5	2125350047	Phan Ngô Thanh	Hào	14/12/2007	CCQ2535B	1	<i>Hào</i>	6,8	8,5	7,8
6	2125350040	Huỳnh Đức	Huy	25/06/2007	CCQ2535B	1	<i>Huy</i>	8,8	8,5	8,6
7	2125350039	Thiều Gia	Hy	11/08/2007	CCQ2535B			0,0		
8	2125350038	Hoàng Gia	Khôi	08/07/2007	CCQ2535B	1	<i>Khôi</i>	5,4	8,0	7,0
9	2125350075	Vũ Ngọc Bảo	Lâm	12/12/2007	CCQ2535B	1	<i>Lâm</i>	6,0	8,5	7,5
10	2125350073	Hoàng Trúc	Luân	26/01/2001	CCQ2535B	1	<i>Luân</i>	9,0	8,5	8,7
11	2125350044	Nguyễn Thị Hồng	My	25/05/2005	CCQ2535B	1	<i>My</i>	7,8	8,8	8,4
12	2125350052	Lý Thoại	Mỹ	21/05/2007	CCQ2535B	1	<i>Mỹ</i>	8,8	8,5	8,6
13	2125350061	Nguyễn Phúc Phương	Ngọc	20/11/2007	CCQ2535B	1	<i>Ngọc</i>	9,5	8,0	8,6
14	2125350054	Ngô Tùng	Nhất	23/02/2007	CCQ2535B	1	<i>Ngô Tùng</i>	8,4	8,5	8,5
15	2125350050	Vũ Thị Yến	Nhi	28/09/2007	CCQ2535B	1	<i>Nhi</i>	7,5	7,8	7,7
16	2125350059	Nguyễn Thị Ánh	Như	27/11/2007	CCQ2535B	1	<i>Như</i>	8,0	8,0	8,0
17	2125350048	Võ Thị Hồng	Nhung	22/08/2007	CCQ2535B	1	<i>Nhung</i>	8,8	8,0	8,3
18	2125350051	Lê Hồng Tấn	Phát	03/08/2007	CCQ2535B	1	<i>Phát</i>	5,0	7,5	6,5
19	2125350070	Hồ Phát	Phúc	06/10/2006	CCQ2535B	1	<i>Phúc</i>	8,3	8,8	8,6
20	2125350068	Nguyễn Trọng	Phúc	30/11/2006	CCQ2535B			7,0	0,0	2,8
21	2125350069	Nguyễn Thụy Kim	Phụng	07/04/2007	CCQ2535B			0,0		
22	2125350041	Mai Minh	Quân	12/11/2007	CCQ2535B	1	<i>Quân</i>	5,5	7,5	6,7
23	2125350053	Nguyễn Long	Quốc	11/12/2007	CCQ2535B	1	<i>Quốc</i>	8,8	8,2	8,4
24	2125350064	Dương Văn	Sơn	08/06/2004	CCQ2535B			0,0		
25	2125350087	Ngô Kim	Sơn	30/01/2003	CCQ2535B	1	<i>Sơn</i>	6,5	7,5	7,1
26	2125350056	Lê Hoàng	Thành	09/11/2007	CCQ2535B	1	<i>Thành</i>	5,5	7,0	6,4
27	2125350067	Đỗ Tuấn	Thiện	21/12/2007	CCQ2535B	1	<i>Thiện</i>	7,9	7,5	7,7
28	2125350074	Vũ Hoàng Đức	Thiệu	25/05/2007	CCQ2535B			0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204230] - Kỹ năng mềm
(CCQ2535B)

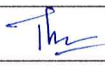
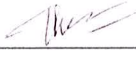
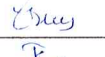
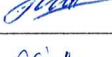
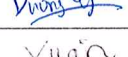
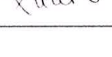
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 36.
Số bài thi: 36.
Số tờ giấy thi: 36.


Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu

Đ. Vinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125350042	Lê Anh	Thư	11/07/2007	CCQ2535B	1		6,0	7,5	6,9
30	2125350045	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2007	CCQ2535B	1		8,3	8,0	8,1
31	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A	1		7,0	6,5	6,7
32	2125350065	Hà Ngọc Bảo	Trâm	21/12/2007	CCQ2535B	1		8,3	8,0	8,1
33	2125350058	Nguyễn Võ Bảo	Trân	04/11/2007	CCQ2535B	1		6,5	8,5	7,7
34	2125350066	Nguyễn Hữu	Trọng	02/10/2006	CCQ2535B	1		5,5	8,0	7,0
35	2125350063	Nguyễn Quốc	Trung	16/11/2007	CCQ2535B	1		6,0	7,5	6,9
36	2125350046	Trần Văn	Trung	21/05/2006	CCQ2535B	1		7,0	7,5	7,3
37	2125350037	Đặng Quốc	Vinh	21/06/2007	CCQ2535B	1		9,0	8,5	8,7
38	2125350049	Trần Quang	Vinh	04/07/2007	CCQ2535B	1		7,8	8,5	8,2
39	2125350062	Dương Thị Tường	Vy	13/03/2007	CCQ2535B	1		6,8	8,0	7,5
40	2125350043	Đỗ Thị Ngọc	Xuân	07/01/2007	CCQ2535B	1		5,3	7,8	6,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204231] - Kỹ năng mềm
(CCQ2536A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 40...

Số bài thi:40...

Số tờ giấy thi: 40...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125360002	Đặng Quỳnh Anh	17/02/2007	CCQ2536A					
2	2125360052	Phạm Tuấn Anh	25/02/2007	CCQ2536A			9,2	8,2	8,6
3	2125360009	Cao Thị Mộng Cát	22/10/2007	CCQ2536A			9,2	8,5	8,8
4	2125360043	Phạm Thị Ái Chi	10/07/2005	CCQ2536A			6,2	8,2	7,4
5	2125360036	Vô Chí Công	06/07/2006	CCQ2536A			9,6	8,0	8,6
6	2125360026	Nguyễn Thị Kim Cương	07/08/2003	CCQ2536A			9,7	9,0	9,3
7	2125360001	Nguyễn Thị Anh Đào	21/03/1983	CCQ2536A					
8	2125360007	Lê Hồ Kiều Diễm	28/06/2007	CCQ2536A			9,8	7,9	8,7
9	2125360044	Trần Lê Thúy Diễm	16/01/2007	CCQ2536A			7,2	8,8	8,2
10	2125360023	Triệu Mỹ Dung	23/12/2007	CCQ2536A			8,1	8,0	8,0
11	2125360025	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/01/2007	CCQ2536A					
12	2125360008	Nguyễn Ngọc Hương Giang	06/05/2006	CCQ2536A					
13	2125360021	Nguyễn Thị Hương Giang	12/11/2007	CCQ2536A			8,2	8,2	8,2
14	2125360018	Lê Thị Thu Hoài	27/09/2006	CCQ2536A			8,3	7,2	7,6
15	2125360013	Lê Thị Huyền	01/04/2007	CCQ2536A			7,0	7,5	7,3
16	2125360039	Lê Quốc Khánh	22/09/2002	CCQ2536A					
17	2125360022	Đinh Thảo My	08/10/2007	CCQ2536A			7,6	8,2	8,0
18	2125360031	Đinh Huỳnh Gia Mỹ	28/06/2007	CCQ2536A			9,0	8,2	8,5
19	2125360056	Kim Thị Ngân	01/02/2007	CCQ2536A			7,4	8,2	7,9
20	2125360035	Nguyễn Phước Quý Nguyên	07/06/2007	CCQ2536A					
21	2125360017	Trịnh Khôi Nguyên	11/12/2007	CCQ2536A			7,4	8,8	8,2
22	2125360029	Lê Thị Ngọc Nhi	29/12/2005	CCQ2536A			8,4	8,8	8,6
23	2125360047	Lê Thị Nguyễn Nhi	19/07/2007	CCQ2536A			8,2	7,9	8,0
24	2125360050	Lưu Ngọc Lan Nhi	19/11/2007	CCQ2536A			9,2	7,9	8,4
25	2125360024	Nguyễn Thị Yên Nhi	03/03/2007	CCQ2536A			8,2	7,4	7,7
26	2125360020	Trần Lâm Yên Nhi	25/11/2007	CCQ2536A			7,7	8,2	8,0
27	2125360040	Huỳnh Hoài Như	06/06/2002	CCQ2536A			9,4	8,5	8,9
28	2125360011	Đỗ Cao Tấn Phát	20/12/2006	CCQ2536A			7,8	8,2	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204231] - Kỹ năng mềm
(CCQ2536A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 40...
Số bài thi:40...
Số tờ giấy thi: 40...

[Handwritten signatures of examiners]

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125360012	Nguyễn Thị Hà	Phương	03/02/2007	CCQ2536A		<i>Phuong</i>	6,8	9,0	8,1
30	2125360005	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	19/05/2007	CCQ2536A		<i>Quyên</i>	7,2	8,2	7,8
31	2125360053	Trần Thị Tố	Quyên	09/02/2007	CCQ2536A		<i>Quyen</i>	8,6	7,5	7,9
32	2125360037	Phan Phụng	Quỳnh	11/10/2005	CCQ2536A		<i>Phan</i>	9,0	8,0	8,4
33	2125360045	Hà Mộng Như	Tâm	14/11/2007	CCQ2536A		<i>Ha</i>	9,8	8,9	9,3
34	2125360055	Dương Thị Hồng	Thom	05/01/2007	CCQ2536A		<i>Dong</i>	8,0	7,5	7,7
35	2125360014	Ngô Minh	Thư	03/03/2007	CCQ2536A		<i>Thy</i>	9,4	8,4	8,8
36	2125360032	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/12/2005	CCQ2536A		<i>Thy</i>	8,0	8,4	8,2
37	2125360048	Hà Thị Thanh	Thủy	18/10/2007	CCQ2536A			✓		
38	2125360049	Võ Ngọc Uyên	Thy	14/12/2007	CCQ2536A		<i>Uyen</i>	8,0	7,5	7,7
39	2125360027	Lương Thị Thùy	Trang	20/09/2007	CCQ2536A		<i>Luong</i>	8,2	7,8	8,0
40	2125360046	Nguyễn Thị Tâm	Trí	24/02/2007	CCQ2536A		<i>Tram</i>	9,6	8,4	8,9
41	2125360030	Trần Thị Ngọc	Trinh	09/09/2007	CCQ2536A		<i>Trinh</i>	9,4	7,5	8,3
42	2125360003	Phạm Thị Thanh	Trúc	28/03/2006	CCQ2536A		<i>Pham</i>	7,9	8,5	8,3
43	2125360034	Lê Văn	Trường	06/07/2007	CCQ2536A		<i>Le</i>	9,2	7,9	8,4
44	2125360038	La Bảo	Tú	17/08/2007	CCQ2536A			✓		
45	2125360019	Nguyễn Ngọc Trúc	Uyên	30/06/2007	CCQ2536A		<i>Nguyen</i>	8,1	8,3	8,2
46	2125360033	Đỗ Ngọc Diệu	Vy	07/07/2007	CCQ2536A		<i>Dos</i>	10	8,3	9,0
47	2125360004	Nguyễn Thị Khánh	Vy	23/08/2007	CCQ2536A			✓		
48	2125360016	Phan Hồng	Vy	26/11/2007	CCQ2536A		<i>Phan</i>	8,2	7,9	8,0
49	2125360006	Võ Thị Ngọc	Vy	27/02/2007	CCQ2536A		<i>Vo</i>	8,9	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204232] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514D)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140134	Phạm Nguyễn Xuân	Ban	10/08/2007	CCQ2514D			7.3	7.5	7.4
2	2125140137	Trần Gia	Bảo	22/04/2007	CCQ2514D			9.9	9.0	9.4
3	2125140161	Lê Thành	Đặng	10/03/2007	CCQ2514D			7.3	6.8	7.0
4	2125140128	Lê Nguyễn Quốc	Duy	05/07/2007	CCQ2514D			8.7	8.5	8.6
5	2125140151	Nguyễn Trung	Hậu	18/05/2007	CCQ2514D			6.9	8.0	7.6
6	2125140144	Trà Lê Thế	Hiền	31/08/2007	CCQ2514D			6.9	7.0	7.0
7	2125140166	Đặng Ngọc Huy	Hoàng	09/09/2007	CCQ2514D			8.5	7.0	7.6
8	2125140256	Thiều Minh	Hưng	05/12/2007	CCQ2514D			6.3	5.0	5.5
9	2125140141	Hồ Việt	Huy	10/05/2007	CCQ2514D			7.9	7.5	7.7
10	2125140157	Lê Minh	Huy	01/02/2007	CCQ2514D			8.2	7.0	7.5
11	2125140155	Dương Đăng	Khoa	26/01/2007	CCQ2514D			9.1	8.0	8.4
12	2125140149	Phạm Vũ Anh	Kiệt	06/02/2007	CCQ2514D			9.5	8.3	8.8
13	2125140136	Nguyễn	Lịch	12/12/2007	CCQ2514D			7.7	5.5	6.4
14	2125140247	Hoàng Quang Nhật	Linh	28/11/2007	CCQ2514D			8.7	6.8	7.6
15	2125140146	Nguyễn Tiến	Lộc	06/03/2007	CCQ2514D			7.8	7.8	7.8
16	2125140162	Nông Đức	Long	18/11/2007	CCQ2514D			8.8	7.5	8.0
17	2125140156	Lê Hải	Nam	31/10/2007	CCQ2514D			9.4	8.0	8.6
18	2125140140	Đỗ Đình	Nguyên	25/09/2003	CCQ2514D			-	-	-
19	2125140130	Võ Minh	Nhật	18/10/2007	CCQ2514D			8.3	8.0	8.1
20	2125140154	Nguyễn Tấn	Phát	15/10/2007	CCQ2514D			9.5	8.5	8.9
21	2125140133	Vũ Cao	Phong	16/01/2007	CCQ2514D			9.3	8.5	8.8
22	2125140148	Nguyễn Bùi Thiên	Phú	05/09/2007	CCQ2514D			6.4	7.5	7.1
23	2125140143	Kổng Vinh	Phúc	19/09/2007	CCQ2514D			-	-	-
24	2125140150	Phan Văn	Phúc	01/04/2007	CCQ2514D			7.5	7.8	7.7
25	2125140147	Trần Nhật	Tâm	29/12/2007	CCQ2514D			8.7	7.0	7.7
26	2125140165	Phạm Trí	Tân	05/02/2007	CCQ2514D			9.1	7.5	8.1
27	2125140163	Nguyễn Hoàng	Thái	14/01/2007	CCQ2514D			7.7	6.0	6.7
28	2125140152	Lê Phước	Thiện	27/05/2007	CCQ2514D			9.9	8.5	9.1

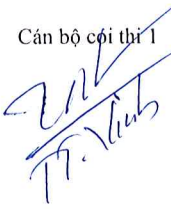
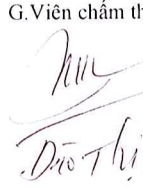
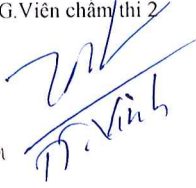
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

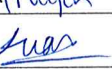
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [222042.01] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514D)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi: 37
Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125140158	Trần Đức	Thiện	26/10/2007	CCQ2514D			9.1	8.5	8.8
30	2125140132	Phan Phúc	Thịnh	02/02/2007	CCQ2514D			9.0	8.0	8.4
31	2125140145	Thạch Bun Chane	Thone	17/07/2007	CCQ2514D			4.7	—	—
32	2125140153	Lê Văn	Tới	16/09/2007	CCQ2514D			4.9	8.0	6.8
33	2125140159	Nguyễn Ngọc	Trí	09/05/2007	CCQ2514D			7.0	7.0	7.0
34	2125140129	Võ Văn Minh	Trí	09/03/2007	CCQ2514D			7.1	6.0	6.4
35	2125140160	Lê Văn	Trung	08/04/2007	CCQ2514D			8.3	6.0	6.9
36	2125140127	Võ Lý Nhật	Trường	19/01/2007	CCQ2514D			8.5	8.0	8.2
37	2125140142	Lê Công	Truyền	13/05/2007	CCQ2514D			8.5	7.8	8.1
38	2125140135	Phan Anh	Tuấn	25/03/2007	CCQ2514D			7.5	8.0	7.8
39	2125140138	Trần Lê Anh	Tuấn	13/11/2007	CCQ2514D			7.7	7.5	7.6
40	2125140123	Cao Lê Thành	Vương	14/09/2007	CCQ2514D			8.2	7.8	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22204239] - Kỹ năng mềm
(CCQ2513C)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140250	Nguyễn Gia	Bảo	29/06/2007	CCQ2514F			7.6	7.5	7.5
2	2125140230	Mai Chí	Bình	22/04/2007	CCQ2514F			6.7	7.0	6.9
3	2125140229	Phan Hải	Đăng	19/02/2007	CCQ2514F			6.9	7.0	7.0
4	2125140245	Đỗ Tiến	Đạt	13/09/2007	CCQ2514F			6.6	8.0	7.4
5	2125140246	Nguyễn Văn Anh	Đức	13/11/2007	CCQ2514F			9.1	7.5	8.1
6	2125140214	Trương Triệu	Dương	09/08/2007	CCQ2514F			7.1	8.0	7.6
7	2125140223	Huỳnh Minh	Duy	03/10/2007	CCQ2514F			-	-	-
8	2125140238	Nguyễn Đình Anh	Duy	22/11/2007	CCQ2514F			8.5	8.5	8.5
9	2125140237	Phan Thanh	Hiếu	06/08/2007	CCQ2514F			8.7	8.0	8.3
10	2125140233	Phạm Gia	Huy	15/11/2007	CCQ2514F			-	-	-
11	2125140241	Phạm Gia	Huy	09/12/2007	CCQ2514F			7.7	8.0	7.9
12	2125140209	Lê Tuấn	Khả	17/04/2007	CCQ2514F			7.6	7.0	7.2
13	2125140222	Phạm Lê Trung	Kiên	13/11/2007	CCQ2514F			6.9	7.5	7.3
14	2125140234	Lương Hữu	Kiệt	13/01/2007	CCQ2514F	01		9.2	8.0	8.5
15	2125140243	Nguyễn Công	Lẫy	21/02/2007	CCQ2514F			6.5	7.5	7.1
16	2125140212	Trần Thanh	Liêm	09/10/2007	CCQ2514F			-	-	-
17	2125140219	Vũ Nguyễn Duy	Long	05/07/2007	CCQ2514F			9.3	8.0	8.5
18	2125140215	Nguyễn Thành	Luân	16/06/2007	CCQ2514F			-	-	-
19	2125140227	Nguyễn Hoài	Nam	09/07/2007	CCQ2514F			-	-	-
20	2125140224	Ngô Văn	Nguyên	06/11/2007	CCQ2514F			6.8	7.5	7.2
21	2125140213	Nguyễn Khôi	Nguyên	02/09/2007	CCQ2514F			-	-	-
22	2125140225	Nguyễn Quang	Nhật	23/04/2007	CCQ2514F			8.8	7.5	8.0
23	2125140235	Nguyễn Đình	Quang	27/10/2007	CCQ2514F			8.9	4.0	6.0
24	2125140228	Nguyễn Văn	Quang	26/01/2007	CCQ2514F			9.0	8.3	8.6
25	2125140220	Vũ Minh	Quyền	03/09/2007	CCQ2514F			9.8	8.0	8.7
26	2125140231	Ngô Phát	Tài	06/04/2007	CCQ2514F			8.7	9.0	8.9
27	2125140210	Thái	Tài	09/08/2007	CCQ2514F			8.4	-	-
28	2125140236	Ngô Ngọc Phúc	Thịnh	16/07/2007	CCQ2514F			5.3	6.0	5.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204239] - Kỹ năng mềm
(CCQ2513C)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125140221	Lê Chí	Thọ	10/06/2007	CCQ2514F		Flu	8,0	8,0	8,0
30	2125140218	Lê Duy	Trí	01/04/2007	CCQ2514F			✓	✓	✓
31	2125140226	Lê Đức	Trọng	14/08/2007	CCQ2514F		✗	8,5	6,0	7,0
32	2125140216	Nguyễn Hữu Anh	Tú	22/05/2007	CCQ2514F			✓	✓	✓
33	2125140248	Trịnh Hoàng	Vĩnh	05/02/2007	CCQ2514F		lll	7,7	8,0	7,9
34	2125140211	Trần Phạm Nguyên	Vũ	15/09/2007	CCQ2514F			✓	✓	✓

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204259] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524C)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Nguyễn Thị Lê

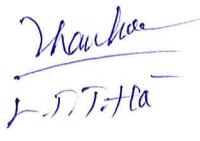
Nguyễn Thị Lê

Nguyễn Thị Lê

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125240111	Ngô Mỹ An	23/11/2007	CCQ2524C		<i>Ngô Mỹ An</i>	6,7	7,4	7,1
2	2125240081	Nguyễn Thị Hồng	20/11/2007	CCQ2524C		<i>Nguyễn Thị Hồng</i>	10	9,0	9,4
3	2125240103	Vũ Ngọc Duyên	03/10/2007	CCQ2524C		<i>Vũ Ngọc Duyên</i>	7,9	8,2	8,1
4	2125240095	Bùi Hoàng Hải	08/12/2007	CCQ2524C		<i>Bùi Hoàng Hải</i>	9,8	8,4	9,0
5	2125240112	Nguyễn Lâm Gia	16/10/2007	CCQ2524C		<i>Nguyễn Lâm Gia</i>	8,7	8,4	8,5
6	2125240086	Phan Kiều Hoa	07/06/2007	CCQ2524C		<i>Phan Kiều Hoa</i>	9,0	7,6	8,2
7	2125240077	Nguyễn Gia Huy	01/03/2007	CCQ2524C		<i>Nguyễn Gia Huy</i>	9,0	8,6	8,8
8	2125240108	Nguyễn Hoàng Quốc	21/09/2000	CCQ2524C		<i>Nguyễn Hoàng Quốc</i>			
9	2125240098	Ka Đình Huyền	17/03/2007	CCQ2524C		<i>Ka Đình Huyền</i>	7,9	8,0	8,0
10	2125240105	Nguyễn Mậu Kiên	13/07/2003	CCQ2524C		<i>Nguyễn Mậu Kiên</i>	5,9	7,8	7,0
11	2125240084	Phạm Tuấn Kiệt	31/08/2006	CCQ2524C		<i>Phạm Tuấn Kiệt</i>	7,6	8,1	7,9
12	2125240087	Lại Ngọc Bảo	25/07/2007	CCQ2524C		<i>Lại Ngọc Bảo</i>	9,7	8,6	9,0
13	2125240079	Đào Thị Khánh Linh	01/02/2007	CCQ2524C		<i>Đào Thị Khánh Linh</i>	6,2	8,0	7,3
14	2125240080	Đỗ Nguyễn Diễm My	11/11/2007	CCQ2524C		<i>Đỗ Nguyễn Diễm My</i>	8,1	7,6	7,8
15	2125240085	Đỗ Tô Kiều Oanh	18/02/2007	CCQ2524C		<i>Đỗ Tô Kiều Oanh</i>	8,3	8,3	8,3
16	2125240099	Vương Hồng Phương	06/09/2007	CCQ2524C		<i>Vương Hồng Phương</i>	7,0	7,5	7,3
17	2125240090	Thập Nữ Huyền Quỳnh	10/03/2007	CCQ2524C		<i>Thập Nữ Huyền Quỳnh</i>	6,6	8,6	7,8
18	2125240113	Nghiêm Thị Phương Thảo	26/06/2007	CCQ2524C		<i>Nghiêm Thị Phương Thảo</i>	7,1	7,9	7,6
19	2125240110	Trần Thị Kim Thoa	21/03/2007	CCQ2524C		<i>Trần Thị Kim Thoa</i>	8,7	7,7	8,1
20	2125240083	Trương Thanh Thương	16/03/2007	CCQ2524C		<i>Trương Thanh Thương</i>	6,1	7,9	7,2
21	2125240088	Huỳnh Minh Tiến	05/05/2007	CCQ2524C		<i>Huỳnh Minh Tiến</i>	6,4	7,8	7,2
22	2125240092	Trần Thị Bích Trâm	31/10/2007	CCQ2524C		<i>Trần Thị Bích Trâm</i>	9,0	9,0	9,0
23	2125240102	Võ Huế Trân	05/02/2007	CCQ2524C		<i>Võ Huế Trân</i>	9,4	9,0	9,2
24	2125240093	Vũ Thị Thùy Trang	14/06/2007	CCQ2524C		<i>Vũ Thị Thùy Trang</i>	8,6	8,5	8,5
25	2125240091	Phạm Minh Triết	01/07/2007	CCQ2524C		<i>Phạm Minh Triết</i>	8,5	8,4	8,4
26	2125240118	Võ Huỳnh Diễm Trúc	13/08/2005	CCQ2524C		<i>Võ Huỳnh Diễm Trúc</i>			
27	2125240109	Vũ Lương Minh Uyên	16/01/2007	CCQ2524C		<i>Vũ Lương Minh Uyên</i>	7,2	7,6	7,4
28	2125240100	Trần Thị Yến Vân	13/03/2007	CCQ2524C		<i>Trần Thị Yến Vân</i>	7,0	8,3	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204259] - Kỹ năng mềm
(CCQ2524C)
CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125240106	Lê Đình Khôi Việt	10/03/2007	CCQ2524C			7,9	7,7	7,8
30	2125240097	Đặng Hoàng Kiều Vy	16/03/2007	CCQ2524C			9,8	8,4	9,0
31	2125240115	Vũ Hải Yên	05/08/2007	CCQ2524C			8,0	7,6	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204264] - Kỹ năng mềm
(CCQ2536B)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 45.
Số bài thi:45.
Số tờ giấy thi: 45.

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125300225	Nguyễn Hoàng	Phong	07/03/2007	CCQ2530F			10.0	8.6	9.2
30	2125300204	Đặng Nguyễn Trúc	Phương	29/09/2007	CCQ2530F			10.0	9.0	9.4
31	2125300222	Nguyễn Nguyên	Phương	22/12/2007	CCQ2530F			7.5	7.8	7.7
32	2125300208	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	12/06/2007	CCQ2530F			10.0	8.0	8.8
33	2125300265	Phan Bá	Quyển	03/09/2004	CCQ2530G			9.4	8.2	8.7
34	2125300249	Lê Thị Ngọc	Thắm	08/06/2007	CCQ2530F			10.0	9.3	9.6
35	2125300250	Thái Gia Hoài	Thanh	01/02/2007	CCQ2530F			7.9	7.1	7.4
36	2125300252	Nguyễn Minh	Thành	24/04/2007	CCQ2530F			10.0	7.2	8.3
37	2125300227	Phạm Huỳnh Phương	Thảo	24/03/2007	CCQ2530F			10.0	8.2	8.9
38	2125300263	Phan Trần Thanh	Thảo	17/10/2007	CCQ2530G			10.0	8.8	9.3
39	2125300233	Nguyễn Văn	Thật	09/07/2007	CCQ2530F			8.0	7.4	7.6
40	2125300226	Nguyễn Trương Tấn	Thịnh	10/12/2007	CCQ2530F			8.6	7.8	8.1
41	2125300235	Trương Phúc	Thịnh	09/11/2007	CCQ2530F			✓	✓	✓
42	2125300232	Võ Mai Anh	Thư	17/04/2007	CCQ2530F			10.0	7.7	8.6
43	2125300219	Đặng Thị Bích	Thuy	21/11/2007	CCQ2530F			10.0	7.6	8.6
44	2125300251	Nguyễn Văn	Tiếp	11/07/2007	CCQ2530F			10.0	7.9	8.7
45	2125300256	Võ Quốc	Toàn	07/12/2007	CCQ2530G			✓	✓	✓
46	2124350112	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trâm	01/01/2006	CCQ2435C			10.0	9.1	9.5
47	2125300211	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/07/2007	CCQ2530F			9.7	8.2	8.8
48	2125300213	Trần Đức	Trung	20/09/2007	CCQ2530F			10.0	7.0	8.2
49	2125300258	Võ Văn	Tú	26/02/2006	CCQ2530G			✓	✓	✓
50	2125300262	Đoàn Trần Kim	Uyên	01/05/2007	CCQ2530G			7.3	7.0	7.1
51	2125300197	Trần Nguyễn Tường	Vân	03/08/2007	CCQ2530F			9.7	8.2	8.8
52	2125300200	Nguyễn Ngọc	Việt	17/12/2007	CCQ2530F			9.7	8.0	8.7
53	2125300202	Nguyễn Trần Hải	Yến	23/04/2007	CCQ2530F			10.0	8.8	9.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204264] - Kỹ năng mềm
(CCQ2536B)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi: 45

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125300201	Nguyễn Công Hoàng	Anh	08/10/2007	CCQ2530F		ml	8.2	7.0	7.5
2	2125300248	Đình Gia	Bảo	18/10/2006	CCQ2530F		B	5.8	6.8	6.4
3	2125300247	Dương Thành	Đạt	05/10/2007	CCQ2530F		Đ	9.2	7.5	8.2
4	2125300261	Tô Quốc	Đạt	07/02/2007	CCQ2530G		Q	9.2	7.0	7.9
5	2125300215	Trần Thị Thu	Hà	11/08/2007	CCQ2530F		T	9.2	7.8	8.4
6	2125300238	Đoàn Thị Thu	Hiền	20/12/2007	CCQ2530G		Đ	10.0	7.5	8.5
7	2125300209	Hồ Phan Văn	Hiếu	16/01/2007	CCQ2530F		H	7.8	7.8	7.8
8	2125300231	Lê Hữu	Hưng	17/10/2007	CCQ2530F		H	10.0	9.0	9.4
9	2125300210	Diệp Gia	Huy	01/01/2007	CCQ2530F			✓	✓	✓
10	2125300205	Ngô Quang	Huy	02/01/2007	CCQ2530F		Q	8.2	8.8	8.5
11	2125300253	Lê Thị Ngọc	Huỳnh	29/03/2007	CCQ2530G			✓	✓	✓
12	2125300212	Nguyễn Văn	Khá	07/11/2007	CCQ2530F		V	8.8	5.8	7.0
13	2125300264	Đỗ Trọng Anh	Khoa	22/04/2007	CCQ2530G			✓	✓	✓
14	2125300228	Quách Thị Vân	Kiều	08/03/2007	CCQ2530F		V	9.8	8.2	8.8
15	2125300224	Trần Thị	Linh	27/01/2007	CCQ2530F		L	10.0	9.3	9.6
16	2125300255	Lưu Thành	Lợi	27/07/2007	CCQ2530G		L	9.3	8.0	8.5
17	2125300203	Ngô Huỳnh Nhật	Minh	25/06/2007	CCQ2530F		N	10.0	7.4	8.4
18	2125300198	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/09/2007	CCQ2530F		N	10.0	7.8	8.7
19	2125300218	Nguyễn Thuý	Ngân	22/09/2002	CCQ2530F		N	10.0	9.4	9.6
20	2125300234	Nguyễn Quốc	Nghị	23/03/2007	CCQ2530F		N	10.0	8.3	9.0
21	2125300229	Phạm Thị Như	Ngọc	27/05/2007	CCQ2530F		N	10.0	9.0	9.4
22	2125300279	Thân Hoài	Ngọc	06/04/2007	CCQ2530F		N	10.0	8.5	9.1
23	2125300266	Nguyễn Anh	Nhật	09/09/2005	CCQ2530G			✓	✓	✓
24	2125300254	Bùi Thị Yến	Nhi	20/02/2007	CCQ2530G		N	8.6	7.2	7.8
25	2125300220	Võ Đỗ Yến	Nhi	25/03/2007	CCQ2530F		N	10.0	8.3	9.0
26	2125300223	Huỳnh	Như	05/11/2007	CCQ2530F		N	9.2	8.9	9.0
27	2125300230	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	30/09/2007	CCQ2530F			✓	✓	✓
28	2125300199	Lê Thị Cẩm	Nhung	21/09/2007	CCQ2530F		N	9.7	6.4	7.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204276] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511F)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm TP
1	2125110204	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/11/2007	CCQ2511F	1		7.5	8	7.8
2	2125110213	Trần Vũ Minh	Anh	09/02/2007	CCQ2511F	1	Anh	8.5	8.5	8.5
3	2125110188	Trần Ngọc	Bảo	08/01/2007	CCQ2511F	1		8.5	8.5	8.5
4	2125110191	Đỗ Quốc	Danh	07/01/2007	CCQ2511F	1	Danh	8	8	8
5	2125110197	Phan Huỳnh	Đạt	17/08/2007	CCQ2511F	1	Đạt	8.5	8.5	8.5
6	2125110229	Võ Tấn	Đạt	19/04/2007	CCQ2511F	1		8	8	8
7	2125110222	Lê Văn	Dinh	03/03/2006	CCQ2511F	1		8.5	8.5	8.5
8	2125110223	Nguyễn Trần Lê	Dương	10/04/2007	CCQ2511F	1		8.5	8.5	8.5
9	2125110212	Lê	Duy	30/04/2007	CCQ2511F	1	Duy	7.5	7	7.2
10	2125110198	Lê Thanh	Duy	26/11/2007	CCQ2511F	1		9	9	9
11	2125110201	Hồ Phú	Hào	18/05/2007	CCQ2511F	1	HAO	9	9	9
12	2125110202	Võ Thanh	Hào	15/07/2007	CCQ2511F					
13	2125110215	Nguyễn Phúc	Hậu	15/05/2007	CCQ2511F	1		8.5	8.5	8.5
14	2125110221	Vũ Nguyễn Trọng	Hiếu	14/11/2007	CCQ2511F	1		7.5	7.5	7.5
15	2125110192	Trương Thanh	Hồng	24/08/2007	CCQ2511F	1		7.5	7.5	7.5
16	2125110227	Đào Ngọc	Huy	17/10/2007	CCQ2511F	1		8.5	8	8.2
17	2125110218	Mai Tuấn	Kiệt	04/12/2004	CCQ2511F	1		8	8	8
18	2125110209	Ngô Anh	Kiệt	03/09/2006	CCQ2511F					
19	2125110199	Nguyễn Anh	Kiệt	15/05/2007	CCQ2511F	1		8.5	8	8.2
20	2125110217	Võ Thiên	Kim	09/12/2003	CCQ2511F	1		8	8	8
21	2122240200	Huỳnh Thị Trúc	My	25/10/2004	CCQ2224E	1		9	9	9
22	2125110231	Lương Hoàng	Nam	15/02/2007	CCQ2511F	1		8.5	8	8.2
23	2125110203	Nguyễn Ngọc	Nữ	26/06/2007	CCQ2511F	1		7	7	7
24	2125110205	Nguyễn Tấn	Phát	26/01/2007	CCQ2511F	1		8	8	8
25	2125110194	Nguyễn Trần Đại	Phát	05/03/2007	CCQ2511F	1		8	8	8
26	2125110220	Trần Thanh	Phương	07/12/2006	CCQ2511F	1		8.5	8	8.2
27	2125110225	Phan Thành	Quý	09/10/2007	CCQ2511F	1		8.5	8.5	8.5
28	2125110210	Lê Thành	Tài	08/02/2006	CCQ2511F					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204276] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511F)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi: 37
Số tờ giấy thi: 37

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125110200	Trương Bảo	Tâm	17/04/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	8	7.8
30	2125110216	Nguyễn Thị Xuân	Thi	03/03/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	9	9	9
31	2125110207	Bùi Trung	Tín	09/05/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	9	9	9
32	2125110190	Lữ Thị Ngọc	Trang	07/05/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.5	8.5
33	2125110228	Phạm Minh	Trí	28/04/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.5	8.5
34	2125110189	Đỗ Trần Xuân	Trúc	01/11/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	8	8	8
35	2125110208	Phan Nhật	Trường	11/03/2006	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	6	6.5	6.3
36	2125110196	Ngô Huỳnh	Tú	26/10/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8	8.2
37	2125110214	Nguyễn Tà Cẩm	Tú	28/05/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.5	7.5
38	2125110219	Lê Quốc	Tuấn	22/09/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.5	7.5
39	2125110206	Ngô Quang	Vinh	25/06/2007	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	6.5	7	6.8
40	2125110224	Phạm Thành	Vinh	16/05/2006	CCQ2511F	1	<i>(Signature)</i>	8	8	8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204278] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511G)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 35...

Chánh
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Thành
Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140177	Bùi Văn Tuấn	Anh	17/01/2007	CCQ2514E		Anh	10.0	9.8	9.9
2	2125140196	Nguyễn Trần Quốc	Anh	17/05/2007	CCQ2514E		Quốc	10.0	8.9	9.3
3	2125140188	Trần Ngọc Trinh	Anh	06/03/2007	CCQ2514E		Trinh	10.0	8.7	9.2
4	2125140190	Nguyễn Thành	Đại	07/09/2007	CCQ2514E		Đại	10.0	8.0	8.8
5	2125140172	Phan Thanh	Dân	05/10/2007	CCQ2514E		Dân	10.0	9.2	9.5
6	2125140205	Nguyễn Duy	Đức	15/10/2007	CCQ2514E		Duy	10.0	8.1	8.9
7	2125140187	Lê Vũ	Duy	08/08/2007	CCQ2514E		Duy	10.0	9.5	9.7
8	2125140199	Lâm Phú	Gia	30/11/2007	CCQ2514E		Phú	9.5	9.0	9.2
9	2125140167	Huỳnh Nguyễn Đình	Hiếu	27/02/2007	CCQ2514E		Đình	10.0	8.8	9.3
10	2125140193	Nguyễn Thuận	Hiếu	14/12/2007	CCQ2514E		Hiếu	8.9	8.5	8.7
11	2125140191	Trần Quang	Hòa	07/09/2007	CCQ2514E		Quang	8.9	7.9	8.3
12	2125140249	Nguyễn Như	Hùng	18/11/2007	CCQ2514E			✓	✓	✓
13	2125140207	Đào Long	Hung	11/09/2007	CCQ2514E		Long	6.5	7.5	7.1
14	2125140197	Trương Gia	Huy	16/02/2007	CCQ2514E		Huy	9.7	7.9	8.6
15	2125140183	Phan Ngọc Linh	Kha	18/03/2007	CCQ2514E		Linh	10.0	8.0	8.8
16	2125140201	Huỳnh Nguyễn Minh	Khang	31/11/2007	CCQ2514E		Minh	10.0	9.2	9.5
17	2125140181	Nguyễn Châu Chấn	Khang	12/11/2007	CCQ2514E		Chấn	10.0	9.8	9.9
18	2125140179	Phạm Hữu	Khánh	11/01/2007	CCQ2514E		Hữu	10.0	8.1	8.9
19	2125140175	Phan Anh	Khoa	11/06/2007	CCQ2514E		Anh	10.0	8.2	8.9
20	2125140195	Đỗ Quốc	Khởi	01/06/2007	CCQ2514E		Quốc	10.0	8.5	9.1
21	2125140217	Đào Nhật	Nghĩa	25/06/2007	CCQ2514E			✓	✓	✓
22	2125140206	Lê Lê	Nguyễn	18/01/2006	CCQ2514E			✓	✓	✓
23	2125140184	Huỳnh Minh	Nhật	01/01/2007	CCQ2514E			✓	✓	✓
24	2125140180	Mai Toàn	Phúc	01/01/2007	CCQ2514E		Toàn	10.0	7.5	8.5
25	2125140173	Nguyễn Hồng	Quân	22/01/2007	CCQ2514E		Hồng	10.0	8.9	9.3
26	2125140240	Trần Phùng Tấn	Quân	01/02/2007	CCQ2514E		Tấn	10.0	8.4	9.0
27	2125140174	Nguyễn Hoàng	Sang	21/01/2007	CCQ2514E		Hoàng	10.0	9.0	9.4
28	2125140169	Đới Quang	Sơn	01/01/2007	CCQ2514E		Quang	10.0	8.4	9.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204278] - Kỹ năng mềm
(CCQ2511G)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35....
Số bài thi:35....
Số tờ giấy thi: 35....

Chánh
Lê Thị
Thanh Hà

Chánh
Lê Thị
Thanh Hà

Nguyễn Trần
Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125140202	Bùi Thế	Tâm	14/01/2007	CCQ2514E			10.0	8.5	9.1
30	2125140171	Đỗ Ngọc	Tâm	16/08/2007	CCQ2514E			10.0	9.7	9.8
31	2125140194	Trần Minh	Tâm	01/09/2007	CCQ2514E			10.0	8.6	9.2
32	2125140208	Nguyễn Thành	Thắng	25/03/2007	CCQ2514E			10.0	8.7	9.2
33	2125140168	Ông Hoàng	Thiện	09/10/2007	CCQ2514E			10.0	8.3	9.0
34	2125140192	Nguyễn Hưng	Thịnh	24/12/2007	CCQ2514E			10.0	8.9	9.3
35	2125140182	Đặng Ngọc	Tiến	10/08/2007	CCQ2514E			10.0	8.7	9.2
36	2125140185	Nguyễn Minh	Triết	17/10/2003	CCQ2514E			8.7	8.2	8.4
37	2125140176	Nguyễn Thành	Trung	23/09/2007	CCQ2514E			10.0	8.5	9.1
38	2125140204	Đặng Thanh Hải	Vương	11/11/2007	CCQ2514E			9.7	8.0	8.7
39	2125140203	Lưu Trường	Vỹ	04/03/2007	CCQ2514E			9.7	7.9	8.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Môn học : [22204285] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531A)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi: 39

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Ân Thy
Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Ngọc Ân Thy
G.Viên chấm thi 1: Nguyễn Ngọc Ân Thy
G.Viên chấm thi 2: Nguyễn Ngọc Ân Thy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125310009	Nguyễn Trần Nguyệt Ái	21/08/2007	CCQ2531A	1	Ái	8.0	9.0	8.6
2	2125310174	Châu Ngọc Ánh	03/10/2007	CCQ2531A	1	Ánh	8.0	9.0	8.6
3	2125310034	Nguyễn Gia Bảo	07/12/2007	CCQ2531A	1	Bảo	7.0	7.0	7.0
4	2125310033	Trần Mai Thiên Bảo	03/11/2006	CCQ2531A	1	Bảo	7.5	7.5	7.5
5	2125310005	Nguyễn Văn Bình	24/04/2006	CCQ2531A	1	Bình	8.5	8.0	8.2
6	2125310023	Lê Hữu Chí Dân	30/09/2006	CCQ2531A	1	Dân	8.0	8.0	8.0
7	2125310012	Đoàn Tiến Đạt	19/01/2007	CCQ2531A	1	Đạt	8.0	8.0	8.0
8	2125310164	Huỳnh Thị Ánh Diệu	21/02/2007	CCQ2531B	1	Diệu	8.0	8.5	8.3
9	2125310158	Nguyễn Lương Quang Đông	12/05/2007	CCQ2531A	1	Đông	7.0	7.0	7.0
10	2125310022	Thái Công Doãn Duy	18/07/2007	CCQ2531A	1	Duy	8.0	8.0	8.0
11	2125310030	Nguyễn Thị Xuân Hằng	28/03/2007	CCQ2531A	1	Hằng	9.5	8.5	8.9
12	2125310026	Ngô Minh Hùng	27/12/2006	CCQ2531A	1	Hùng	7.0	7.0	7.0
13	2125310225	Trần Dương Gia Hưng	15/11/2007	CCQ2531A	1	Hưng	7.0	7.0	7.0
14	2125310197	Nguyễn Đình Anh Huy	17/08/2007	CCQ2531A	1	Huy	10.0	8.5	9.1
15	2125310021	Vô Quốc Huy	05/05/2007	CCQ2531A					
16	2125310007	Vô Nguyễn Dung My	26/09/2003	CCQ2531A	1	My	7.5	9.0	8.4
17	2125310031	Trần Thị Mỹ Nga	09/11/2007	CCQ2531A	1	Nga	8.0	8.5	8.3
18	2125310010	Đương Thị Thảo Nguyên	23/05/2007	CCQ2531A					
19	2125310008	Phạm Trần Hạnh Nguyên	21/10/2007	CCQ2531A	1	Hạnh	8.5	9.0	8.8
20	2125310035	Đoàn Trần Ngọc Nhã	27/07/2007	CCQ2531A	1	Nhã	8.5	8.5	8.5
21	2125310011	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/02/2007	CCQ2531A	1	Nhi	8.0	8.5	8.3
22	2125310027	Trần Thị Quỳnh Nhi	09/10/2001	CCQ2531A	1	Nhi	8.5	9.0	8.8
23	2125310017	Dương Thị Quỳnh Như	16/01/2007	CCQ2531A	1	Như	7.5	9.0	8.4
24	2125310013	Phùng Bảo Quốc	18/01/2007	CCQ2531A	1	Quốc	7.5	7.5	7.5
25	2125310024	Phan Minh Sang	11/08/2007	CCQ2531A	1	Sang	7.5	8.5	8.1
26	2125310015	Huỳnh Lê Phát Tài	16/01/2007	CCQ2531A	1	Tài	7.5	7.5	7.5
27	2125310004	Võ Đức Thành	08/04/2004	CCQ2531A	1	Thành	9.0	9.0	9.0
28	2125310016	Đặng Thị Hoàng Thơ	07/06/2007	CCQ2531A	1	Thơ	8.0	9.0	8.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22204285] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531A)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi: 39

Nguyễn Ngọc Ân Thy Nguyễn Ngọc Ân Thy Nguyễn Ngọc Ân Thy Nguyễn Ngọc Ân Thy

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125310006	Lê Thị Anh	Thư	09/04/2005	CCQ2531A	1		8.5	8.0	8.2
30	2125310002	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	17/01/2005	CCQ2531A	1		8.5	8.5	8.5
31	2125310019	Phạm Thị Thuý	Tiên	02/11/2007	CCQ2531A	1		9.0	8.5	8.7
32	2125310018	Nguyễn Phạm Quỳnh	Trâm	12/03/2007	CCQ2531A	1		9.0	8.5	8.7
33	2125310025	Nguyễn Thị Mai	Trâm	07/10/2007	CCQ2531A	1		7.0	9.0	8.4
34	2125310032	Phạm Thị Quế	Trâm	30/08/2007	CCQ2531A	1		8.5	8.5	8.5
35	2125310014	Võ Nguyễn Quỳnh	Trâm	16/08/2007	CCQ2531A	1		9.0	8.5	8.7
36	2125310001	Trần Thùy	Trang	26/08/2006	CCQ2531A	1		9.5	8.5	8.9
37	2125310132	Mai Thị Hoàng	Trinh	09/10/2006	CCQ2531A	1		8.5	9.0	8.8
38	2125310029	Nguyễn Bình Phương	Trúc	06/12/2006	CCQ2531A	1		7.5	8.5	8.1
39	2125310003	Lê Thị Như	Ý	10/02/2007	CCQ2531A	1		9.5	8.5	8.9
40	2125310020	Ngô Ngọc Bảo	Yến	23/03/2007	CCQ2531A	1		7.5	8.5	8.1
41	2125310157	Võ Hải	Yến	14/01/2007	CCQ2531A	1		8.5	8.0	8.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204286] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531B)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 36
Số bài thi: 36
Số tờ giấy thi: 86

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125310061	Mai Xuân	Chiến	24/06/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,3	7,0	6,7
2	2125310043	Trần Quốc	Đại	14/12/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,5	8,5	8,5
3	2125310060	Nguyễn Võ Duy	Danh	04/09/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,0	7,0	6,6
4	2125310039	Nguyễn Quốc	Đạt	22/08/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	7,7	7,5	7,6
5	2125310068	Trần Thị Lệ	Diễm	01/01/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	9,5	8,0	8,6
6	2125310040	Dương Ngọc	Diệu	23/12/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	5,8	7,0	6,5
7	2125310067	Lê Thiên	Đức	05/12/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	4,8	7,0	6,1
8	2125310161	Bùi Thế	Hiền	25/09/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,0	8,5	8,3
9	2125310038	Đặng Ngọc	Hoa	26/05/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	7,8	7,5	7,6
10	2125310059	Nguyễn Huy	Hoàng	30/03/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	7,2	8,0	7,7
11	2125310048	Nguyễn Văn	Hoàng	29/12/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,5	6,5	7,3
12	2125310070	Đàm Thị Thanh	Hồng	18/11/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
13	2125310049	Nguyễn Gia	Huy	26/09/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,0	8,0	7,2
14	2125310069	Nguyễn Gia	Huy	23/08/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,0	7,0	6,6
15	2125310051	Nguyễn Duy	Khang	01/03/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,9	8,0	8,4
16	2125310052	Đinh Hồ Vĩnh	Khánh	18/07/2005	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,5	8,0	7,4
17	2125310036	Trần Mậu	Kiên	03/02/2007	CCQ2531B					
18	2125310065	Vô Thị	Kiều	14/06/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,3	7,8	7,2
19	2125310056	Phùng Phương	Linh	25/10/2005	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	7,8	7,8	7,8
20	2125310050	Vô Thành	Long	14/12/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,3	7,0	6,1
21	2125310055	Nguyễn-Việt	Nam	05/09/2006	CCQ2531B			3,0		1,2
22	2125310042	Lâm Thị Kim	Ngân	02/07/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	10,0	9,3	9,6
23	2125310162	Nguyễn Trần Thuý	Ngân	01/04/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	4,5	7,0	6,0
24	2125310063	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/09/2005	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,8	8,5	8,6
25	2125310046	Nguyễn Thành	Phúc	13/10/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	5,0	7,0	6,2
26	2125310203	Trần Thị	Phúc	17/01/2005	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	8,5	8,3	8,4
27	2125310058	Nguyễn Ánh	Quốc	30/08/2007	CCQ2531B	1	<i>(Signature)</i>	6,3	7,5	7,0
28	2125310057	Phạm Quốc Gia	Quy	28/11/2006	CCQ2531B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

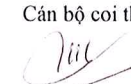
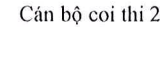
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204286] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531B)

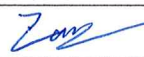
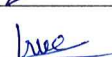
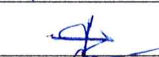
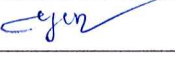
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 36
Số bài thi: 36
Số tờ giấy thi: 36


Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu

N. Vich

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125310053	Phạm Y	Rin	31/10/2006	CCQ2531B	1		8,8	8,0	8,3
30	2125310045	Bùi Quốc	Sang	06/11/2006	CCQ2531B	1		7,4	8,0	7,8
31	2125310163	Mai Thị Thanh	Thảo	01/12/2007	CCQ2531B	1	Thảo	10,0	8,6	9,2
32	2125310181	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	13/10/2007	CCQ2531B	1	Cẩm Thu	10,0	8,8	9,3
33	2125310062	Nguyễn Ngọc	Thuy	10/06/2007	CCQ2531B	1		8,9	8,5	8,7
34	2125310044	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	29/06/2007	CCQ2531B	1		9,5	8,8	9,1
35	2125310130	Trần Thị Thanh	Trúc	05/09/2007	CCQ2531B	1		7,7	7,5	7,6
36	2125310047	Trần Thị Ngọc	Vàng	22/05/2007	CCQ2531B	1		8,3	8,5	8,4
37	2125310165	Đào Thị Thúy	Vi	14/01/2007	CCQ2531B	1		8,0	7,0	7,4
38	2125310054	Nguyễn Thị Triệu	Vy	15/09/2007	CCQ2531B	1		8,3	8,5	8,4
39	2125310041	Nguyễn Hồ Bảo	Yến	24/10/2007	CCQ2531B	1		9,5	8,8	9,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204287] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi: 37
Số tờ giấy thi: 37

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu

Trần Vĩnh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125310104	Lê Hoàng	An	30/10/2007	CCQ2531C	1	<i>Đ</i>	9,0	7,0	7,8
2	2125310153	Bùi Trần Tuấn	Anh	14/02/2007	CCQ2531C	1	<i>Đ</i>	7,3	7,8	7,6
3	2125310099	Đỗ Thị Tuyết	Băng	13/04/2006	CCQ2531C	1	<i>Đ</i>	8,5	7,5	7,9
4	2125310101	Trịnh Gia	Bảo	01/01/2006	CCQ2531C					
5	2125310092	Trần Thị Bích	Châu	15/04/2006	CCQ2531C	1	<i>Chau</i>	8,4	7,0	7,6
6	2125310083	Lê Thành	Đạt	29/07/2007	CCQ2531C	1	<i>Đ</i>	9,3	9,1	9,2
7	2125310094	Hồ Văn	Duy	07/09/2006	CCQ2531C	1	<i>Đ</i>	8,9	8,5	8,7
8	2125310077	Nguyễn Thu	Hiền	09/09/2007	CCQ2531C	1	<i>Hiền</i>	8,5	8,5	8,5
9	2125310076	Huỳnh Thị	Hoa	28/12/2007	CCQ2531C	1	<i>Hoa</i>	7,2	8,5	8,0
10	2125310126	Từ Liễu	Hoa	12/10/2007	CCQ2531C	1	<i>hoa</i>	7,8	8,0	7,9
11	2125310098	Lê Thái	Hoàng	11/12/2007	CCQ2531C	1	<i>Hoàng</i>	6,5	7,8	7,3
12	2125310085	Nguyễn Huy	Hoàng	02/10/2002	CCQ2531C	1	<i>Hoàng</i>	8,0	8,5	8,3
13	2125310107	Vũ	Hoàng	24/01/2007	CCQ2531C	1	<i>Hoàng</i>	8,5	8,5	8,5
14	2125310088	Nguyễn Thanh	Huân	14/07/2000	CCQ2531C	1	<i>Hoàng</i>	9,5	8,8	9,1
15	2125310086	Trần Khánh	Hưng	09/09/2007	CCQ2531C	1	<i>Hưng</i>	7,2	8,0	7,7
16	2125310080	Vì Thị Thu	Hương	08/01/2006	CCQ2531C	1	<i>Thu</i>	8,0	8,0	8,0
17	2125310201	Nguyễn Thanh	Huy	08/05/2007	CCQ2531C	1	<i>Huy</i>	7,3	8,0	7,7
18	2125310072	Hoàng Tấn	Kiệt	10/09/2005	CCQ2531C	1	<i>Kiệt</i>	7,5	7,5	7,5
19	2125310075	Đỗ Nhật	Lanh	24/12/2007	CCQ2531C	1	<i>Sanh</i>	8,7	7,8	8,2
20	2125310095	Trần Nguyễn Tuấn	Lộc	30/11/2007	CCQ2531C					
21	2125310100	Châu Trần Trúc	Ly	02/05/2006	CCQ2531C	1	<i>ly</i>	7,3	8,0	7,7
22	2125310182	Nguyễn Thị	Mai	21/03/2007	CCQ2531C	1	<i>Mai</i>	7,0	7,5	7,3
23	2125310149	Nguyễn Đức	Mạnh	28/06/2007	CCQ2531C	1	<i>Mạnh</i>	9,8	8,5	9,0
24	2125310110	Trần Hoài	Nam	03/09/2005	CCQ2531C	1	<i>Nam</i>	6,7	7,5	7,2
25	2125310109	Trịnh Phương	Ngân	24/07/2007	CCQ2531C	1	<i>Ngân</i>	7,8	8,0	7,9
26	2125310096	Bùi Thị Minh	Nguyễn	01/08/2007	CCQ2531C	1	<i>nguyen</i>	8,5	8,5	8,5
27	2125310093	Lý Văn	Nhân	16/10/2007	CCQ2531C	1		8,0	0,0	3,2
28	2125310073	Trần Quốc	Nhật	23/09/2004	CCQ2531C	1	<i>Nhật</i>	9,7	8,0	7,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204287] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531C)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

[Handwritten signatures]
Đào Thị Diệu TT. Vinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125310187	Nguyễn Ngọc	Nhiên	31/07/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	7,5	7,0	7,2
30	2125310091	Võ Thị Hồng	Phẩm	15/09/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	8,8	8,5	8,6
31	2125310079	Lương Ngọc	Thịnh	16/12/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	8,3	8,5	8,4
32	2125310078	Võ Nguyễn Anh	Thuận	13/11/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	6,8	7,5	7,2
33	2125310074	Trần Thanh	Thủy	11/07/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	6,4	7,5	7,1
34	2125310102	Hồ Thị Thanh	Trà	05/12/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	7,3	7,5	7,4
35	2125310097	Nguyễn Thị Thanh	Trà	15/12/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	6,8	8,0	7,5
36	2125310090	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/08/2007	CCQ2531C	1	Trang	7,0	7,0	7,0
37	2125310081	Trần Trà Minh	Trí	23/12/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	8,4	8,5	8,5
38	2125310108	Phạm Đình Anh	Tuấn	17/09/2007	CCQ2531C	1	Tuấn	7,0	8,0	7,6
39	2125310105	Trịnh Công	Viên	11/08/2007	CCQ2531C	1	<i>[Signature]</i>	7,3	8,0	7,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204288] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531D)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 29...
Số bài thi: 29...
Số tờ giấy thi: 29...

Thanh
Lê Thị Thanh Hà

Thanh
Nguyễn Thiên
Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125310124	Điền Xuân Ái	06/02/2007	CCQ2531D		Ái	8.8	7.4	8.0
2	2125310133	Vũ Thiên Bảo	20/12/2007	CCQ2531D		B	6.0	6.9	6.5
3	2125310142	Quách Thị Kim Chi	09/09/2007	CCQ2531D		Chi	10.0	8.4	9.0
4	2125310122	Trương Công Chiên	20/02/2003	CCQ2531D		Chiên	8.6	7.9	8.1
5	2125310213	Nguyễn Ngọc Mai Đào	13/06/2007	CCQ2531D		Đào	8.2	8.9	8.6
6	2125310116	Lê Văn Quang Dũng	03/07/2006	CCQ2531D			✓	✓	✓
7	2125310114	Nguyễn Thị Thuý Dương	28/03/2006	CCQ2531D		Dương	7.4	7.8	7.6
8	2125310223	Nguyễn Nhựt Duy	14/05/2005	CCQ2531D		Duy	8.2	6.5	7.2
9	2125310156	Phạm Thị Thu Hà	10/03/2007	CCQ2531D		Hà	10.0	8.5	9.1
10	2125310154	Phạm Thanh Hậu	22/04/2006	CCQ2531D		Hậu	10.0	7.8	8.7
11	2125310135	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/07/2007	CCQ2531D		Hiền	9.6	7.3	8.2
12	2125310155	Vũ Thị Thu Hiền	16/10/2007	CCQ2531D		Hiền	9.2	8.4	8.7
13	2125310136	Nguyễn Quốc Khải	14/09/2007	CCQ2531D		Khải	8.8	7.9	8.3
14	2125310145	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/01/2007	CCQ2531D		Linh	10.0	8.8	9.3
15	2125310125	Nông Thị Kim Loan	30/03/2007	CCQ2531D		Loan	10.0	7.0	8.2
16	2125310117	Trịnh Hồng Phúc Lộc	17/01/2007	CCQ2531D		Lộc	10.0	7.5	8.5
17	2125310146	Liêu Nhựt Thùy Mai	25/07/2007	CCQ2531D		Mai	10.0	9.0	9.4
18	2125310121	Lê Quang Minh	10/08/2007	CCQ2531D		Minh	10.0	7.4	8.4
19	2125310148	Trần Thị Trà My	15/12/2005	CCQ2531D		Tram	10.0	8.1	8.8
20	2125310139	Vì Thị Hà My	05/09/2007	CCQ2531D		My	10.0	8.2	8.9
21	2125310127	Huỳnh Thị Kim Ngân	17/08/2007	CCQ2531D		Ngân	10.0	8.2	8.9
22	2125310118	Huỳnh Ngọc Tuyết Nhi	11/11/2007	CCQ2531D			✓	✓	✓
23	2125310147	Nguyễn Thúy Nhiên	13/10/2007	CCQ2531D		Nhiên	10.0	8.2	8.9
24	2125310150	Nguyễn Bảo Như	20/03/2007	CCQ2531D		Như	8.8	7.7	8.1
25	2125310220	Nguyễn Thị Tố Như	25/06/2007	CCQ2531D		Như	10.0	7.3	8.4
26	2125310140	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/2007	CCQ2531D		Nhung	9.0	8.1	8.4
27	2125310123	Nguyễn Hoàng Trúc Phương	04/02/2007	CCQ2531D			✓	✓	✓
28	2125310166	Nguyễn Thị Quyên	19/07/2007	CCQ2531D		Quyên	10.0	8.9	9.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204288] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531D)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

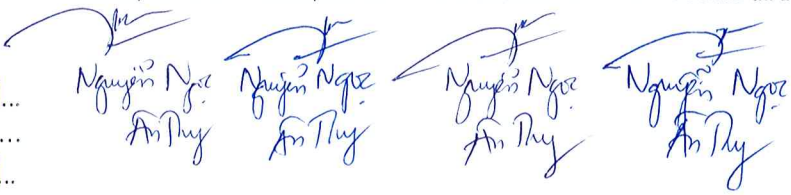
Số SV có mặt: 29...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 29...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125310137	Lê Thị Ánh	Sang	24/11/2003	CCQ2531D			10.0	9.2	9.5
30	2125310131	Nguyễn Đình	Son	10/11/2007	CCQ2531D			10.0	8.0	8.8
31	2125310120	Phạm Đình Minh	Son	03/12/2007	CCQ2531D			10.0	7.3	8.4
32	2125310151	Phan Tuấn	Son	18/04/2007	CCQ2531D			9.1	7.8	8.3
33	2125310115	Huỳnh Trọng	Tấn	21/11/2007	CCQ2531D			6.3	7.4	6.9
34	2125310112	Võ Thị Hồng	Thơ	05/06/2007	CCQ2531D			8.6	9.1	8.9
35	2125310144	Chu Thị Hoài	Thương	24/01/2002	CCQ2531D			8.3	9.0	8.7
36	2125310129	Trần Thị Cẩm	Tiên	21/01/2007	CCQ2531D			9.7	7.7	8.5
37	2125310143	Quản Nguyễn Kiều	Trâm	02/02/2007	CCQ2531D			10.0	9.1	9.4
38	2125310224	Nguyễn Thị Bảo	Trân	27/11/2007	CCQ2531D			✓	✓	✓
39	2125310111	Trần Thị Huyền	Trân	08/09/2007	CCQ2531D			10.0	9.5	9.7
40	2125310134	Nguyễn Thị	Trình	23/02/2007	CCQ2531D			10.0	9.0	9.4
41	2125310138	Đoàn Minh	Vy	19/11/2007	CCQ2531D			7.6	8.7	8.2
42	2125310141	Lê Trần Tường	Vy	24/10/2007	CCQ2531D			10.0	7.6	8.5
43	2125310113	Phan Thị Hải	Yến	21/02/2007	CCQ2531D			10.0	7.5	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2



Môn học : [22204289] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531E)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 41...
Số bài thi: 41...
Số tờ giấy thi: 41...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125310168	Nguyễn Lan	Anh	31/05/2007	CCQ2531E	1		7.5	8.0	7.8
2	2125310176	Hoàng Xuân	Bắc	23/02/2007	CCQ2531E	1		9.5	8.5	8.9
3	2125310202	Lê Quang	Bảo	07/04/2007	CCQ2531E	1		8.5	8.5	8.5
4	2125310209	Nguyễn Huy Gia	Bảo	29/01/2006	CCQ2531E	1				
5	2125310167	Trương Quốc	Bảo	29/03/2007	CCQ2531E	1		9.0	8.0	8.4
6	2125310214	Lê Huỳnh Y	Bình	30/11/2007	CCQ2531E	1		7.5	8.0	7.8
7	2125310216	Nguyễn Hồ Quốc	Danh	26/08/2007	CCQ2531E	1		7.5	7.5	7.5
8	2125310193	Trần Đăng	Dương	18/03/2007	CCQ2531E	1		6.5	7.5	7.1
9	2125310205	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	01/09/2007	CCQ2531E	1		8.0	8.5	8.3
10	2125310186	Dương Chí	Hiếu	13/12/2007	CCQ2531E	1		6.5	7.5	7.1
11	2125310188	Lê Thị Mỹ	Hồng	21/02/2007	CCQ2531E	1		8.5	9.0	8.8
12	2125310204	Nguyễn Minh	Kha	05/07/2007	CCQ2531E	1		8.0	7.5	7.7
13	2125310184	Nguyễn Minh	Khang	31/01/2007	CCQ2531E	1		7.0	7.0	7.0
14	2125310218	Hà Quốc	Khánh	11/04/2006	CCQ2531E	1		7.0	8.0	7.6
15	2125310217	Trần Nguyễn Thùy	Linh	18/04/2005	CCQ2531E	1		9.5	8.5	8.9
16	2125310185	Đỗ Thị Thảo	Ngân	04/09/2007	CCQ2531E	1		8.5	8.0	8.2
17	2125310210	Nguyễn Chính	Nghĩa	18/03/2007	CCQ2531E	1				
18	2125310179	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/06/2007	CCQ2531E	1		7.5	8.5	8.1
19	2125310071	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/11/2007	CCQ2531E	1		7.5	8.5	8.1
20	2125310200	Thân Thị Yến	Nhi	04/09/2007	CCQ2531E	1		8.0	9.0	8.6
21	2125310173	Tô Thị Thuý	Nhi	19/04/2007	CCQ2531E	1		8.5	8.5	8.5
22	2125310207	Y Phôi	Niê	06/11/2006	CCQ2531E	1		7.0	7.5	7.3
23	2125310064	Bạch Thành Tâm	Phước	23/03/2007	CCQ2531E	1		7.0	7.5	7.3
24	2125310170	Nguyễn Ngọc	Tài	25/07/2007	CCQ2531E	1		9.0	8.5	8.7
25	2125310195	Phan Thị Minh	Tâm	23/05/2007	CCQ2531E	1		8.5	9.0	8.8
26	2125310169	Đoàn Văn	Thành	09/04/2007	CCQ2531E	1		8.0	7.0	7.4
27	2125310211	Nguyễn Văn	Thành	25/01/2007	CCQ2531E	1		8.0	7.5	7.7
28	2125310215	Nguyễn Việt	Thành	09/11/2007	CCQ2531E	1				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204289] - Kỹ năng mềm
(CCQ2531E)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 41...
Số bài thi:41...
Số tờ giấy thi: 41..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125310172	Phạm Quý	Thành	06/06/2007	CCQ2531E	1		7.0	8.0	7.6
30	2125310175	Thái Tăng	Thịnh	16/04/2007	CCQ2531E	1		7.5	7.0	7.2
31	2125310190	Nguyễn Hữu	Thọ	09/07/2007	CCQ2531E	1		7.5	7.0	7.2
32	2125310191	Huỳnh Kim	Thờ	09/01/2007	CCQ2531E	1		8.5	8.0	8.2
33	2125310189	Nguyễn Lê Minh	Thư	18/11/2007	CCQ2531E	1		8.0	8.0	8.0
34	2125310206	Phạm Trung	Thực	09/07/2006	CCQ2531E	1		8.0	7.0	7.4
35	2125310177	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	18/04/2007	CCQ2531E	1		8.0	8.5	8.3
36	2125310178	Mai Hoàng Đoan	Trang	08/09/2007	CCQ2531E	1		9.0	9.0	9.0
37	2125310192	Trần Kiều	Trang	30/07/2007	CCQ2531E	1		8.0	8.0	8.0
38	2125310212	Cao Thị Lê	Trinh	02/12/2007	CCQ2531E	1		8.0	9.0	8.6
39	2125310171	Diệp Thuý Phương	Trinh	19/12/2007	CCQ2531E	1		9.0	8.5	8.7
40	2125310199	Trương Hoàng	Trung	27/07/2007	CCQ2531E	1		9.0	8.0	8.4
41	2125310219	Vũ Thanh	Tuấn	01/11/2007	CCQ2531E	1		7.5	7.5	7.5
42	2125310180	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuyển	30/12/2007	CCQ2531E	1		7.0	7.0	7.0
43	2125310198	Nguyễn Trần Thùy	Vân	30/03/2007	CCQ2531E	1		8.5	7.5	7.9
44	2125310208	Nguyễn Quang	Vinh	07/08/2005	CCQ2531E	1				
45	2125310194	Huỳnh Hải	Vy	26/05/2007	CCQ2531E	1		8.5	7.5	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203905] - Kỹ năng mềm I
(CCQ2303E)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 47

Số bài thi: 47

Số tờ giấy thi: 47

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HYP
1	2123030213	Trần Công Trường An	22/04/2005	CCQ2303F			5,8	8,8	7,6
2	2123030163	Trần Văn An	20/08/2005	CCQ2303E			7,1	7,3	7,2
3	2122170214	Lê Văn Tuấn Anh	04/02/2004	CCQ2217F		Anh	8,0	6,8	7,3
4	2122170540	Nguyễn Đức Bảo	16/06/2004	CCQ2217N					
5	2123030154	Nguyễn Thái Bảo	16/06/2005	CCQ2303E		Bảo	6,2	7,2	6,8
6	2122030131	Lê Thành Công	29/07/2004	CCQ2203D		Con	7,4	6,6	6,9
7	2123030165	Trần Văn Đài	01/06/2005	CCQ2303E		Đài	8,8	7,0	7,7
8	2123030149	Mai Danh Đạt	04/09/2005	CCQ2303E			5,0	7,3	6,4
9	2123030150	Nguyễn Thành Đạt	01/05/2005	CCQ2303E			6,0	6,8	6,5
10	2122270018	Phạm Viết Đạt	19/09/2004	CCQ2227A			8,0	8,4	8,2
11	2123030216	Chau Sô Đình	10/12/2004	CCQ2303F			8,8	7,0	7,7
12	2123030194	Lang Tiên Dũng	06/08/2005	CCQ2303F		Dũng	7,0	7,3	7,2
13	2123030220	Nguyễn Tấn Dũng	26/02/2005	CCQ2303F		Dũng	9,6	8,7	9,1
14	2123030153	Trần Anh Hào	21/06/2005	CCQ2303E					
15	2123030206	Châu Khánh Hòa	06/09/2005	CCQ2303F			5,8	6,8	6,4
16	2122110571	Vô Bá Hoài	05/08/2004	CCQ2211N		Hoài	9,0	8,5	8,7
17	2123030157	Nguyễn Xuân Hùng	10/12/2005	CCQ2303E		Hùng	5,0	7,3	6,4
18	2123030166	Nguyễn Hiệp Hưng	15/05/2005	CCQ2303E		Hưng	7,0	6,2	6,5
19	2122170224	Nguyễn Khánh Huy	19/09/2004	CCQ2217F					
20	2122170407	Nguyễn Ngọc Trường Huy	05/08/2004	CCQ2211L		T. Huy	7,4	8,4	8,0
21	2123030152	Nguyễn Minh Khiêm	18/05/2005	CCQ2303E		Khiem	8,9	6,8	7,6
22	2123030167	Lưu Tấn Kiên	02/03/2005	CCQ2303E		Kiên	7,0	6,5	6,7
23	2123030174	Lê Tuấn Kiệt	19/01/2005	CCQ2303E		Kiệt	6,0	7,8	7,1
24	2123030190	Đặng Phúc Kính	20/03/2005	CCQ2303F			10	7,8	8,7
25	2123030181	Trịnh Xuân Long	02/10/2004	CCQ2303F		Long	7,0	6,3	6,6
26	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D					
27	2123030252	Hoàng Đức Mạnh	23/08/2005	CCQ2303G		Mạnh	9,2	7,2	8,0
28	2123030182	Trần Phương Nam	01/04/2005	CCQ2303F		Nam	7,6	7,3	7,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203905] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2303E)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 47...

Số bài thi:47...

Số tờ giấy thi: 47...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123030164	Trịnh Công	Nam	06/02/2005	CCQ2303E		Nam	10	8,0	8,8
30	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	13/08/2005	CCQ2303G			9,0	7,5	8,1
31	2123030217	Ly Sa	Phương	01/02/2005	CCQ2303F		Phuong	8,5	7,4	7,8
32	2123030145	Nguyễn Bình	Phương	13/05/2005	CCQ2303E		nhuong	8,4	7,0	7,5
33	2122040021	Nguyễn Văn	Phương	21/12/2004	CCQ2204A					
34	2123030161	Huỳnh Mạnh	Quân	09/12/2005	CCQ2303E			8,4	6,7	7,4
35	2123030214	Nguyễn Tiến	Quang	05/05/2005	CCQ2303F			9,3	8,0	8,5
36	2123030176	Lê Công	Quyền	14/08/2005	CCQ2303E		Quyên	6,6	6,8	6,7
37	2123030147	Hồ Xuân	Tấn	10/11/2005	CCQ2303E					
38	2123030169	Lê Đức	Thái	21/03/2005	CCQ2303E			5,0	8,8	7,3
39	2123030156	Võ Đức	Thắng	01/05/2005	CCQ2303E		Thắng	7,0	7,0	7,0
40	2123030219	Nguyễn Thanh	Thảo	15/06/2005	CCQ2303F			6,2	6,7	6,5
41	2123030221	Nguyễn Văn Hoàng	Thi	17/11/2005	CCQ2303F			7,9	7,4	7,6
42	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	CCQ2303G		Thien	8,6	6,3	7,2
43	2123030228	Nguyễn Trường	Thọ	30/01/2005	CCQ2303F			7,3	7,0	7,1
44	2123030155	Hà Đức	Thuận	07/05/2005	CCQ2303E					
45	2123030196	Đinh Quang	Thường	17/06/2005	CCQ2303F		Thư	5,0	6,7	6,0
46	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	CCQ2203H			8,2	8,6	8,4
47	2123030180	Nguyễn Quang	Trí	11/06/2005	CCQ2303F					
48	2123030211	Hồ Chín	Triệu	08/10/2005	CCQ2303F		Tran	5,0	6,0	5,6
49	2123030218	Hồ Đức	Trọng	02/10/2005	CCQ2303F			9,4	7,5	8,2
50	2123030179	Nguyễn Nhật	Trường	23/05/2005	CCQ2303E		Trường	6,9	7,8	7,4
51	2123030205	Lê Minh	Tú	15/08/2005	CCQ2303F		Ly	5,0	6,0	5,6
52	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E		nam	9,5	7,0	8,0
53	2123030151	Trần Anh	Tuấn	14/02/2005	CCQ2303E		Tuan	9,4	7,0	8,0
54	2123030184	Đổng Duy	Tuyển	07/01/2004	CCQ2303F		Thuy	8,4	7,6	7,9
55	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E			8,6	7,6	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203908] - Kỹ năng mềm I
(CCQ2304A)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 22 Nguyễn Thiên Thanh
Số bài thi: 22
Số tờ giấy thi: 22

Nguyễn Thiên Thanh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm IIP
1	2123040073	Phan Phú Ân	23/09/2005	CCQ2304B	1	Ân	6.5	6	6.2
2	2123030250	Nguyễn Tiến Bảo	27/04/2004	CCQ2303G	1	Bảo	7	7	7
3	2123030230	Nguyễn Văn Cường	10/07/2005	CCQ2303G	1	Cường	8	8	8
4	2123040030	Trần Hải Đăng	17/04/2005	CCQ2304A	1	Đăng	8.5	8.5	8.5
5	2123040003	Trần Hoàng Danh	24/04/2005	CCQ2304A	1	Danh	7	7	7
6	2123040025	Nguyễn Công Đoàn	29/07/2005	CCQ2304A	1	Đoàn			
7	2123040028	Hồ Thanh Duy	26/10/2005	CCQ2304A	1	Duy	5.5	6	5.8
8	2123030249	Nguyễn Thế Hậu	20/04/2005	CCQ2303G	1	Hậu	5.5	6	5.8
9	2123030225	Phan Trung Hậu	12/07/2005	CCQ2303G	1	Hậu	7	7	7
10	2123030240	Nguyễn Văn Hiệp	17/02/2005	CCQ2303G	1	Hiệp	8.5	8.5	8.5
11	2123040017	Huỳnh Ngọc Hồ	27/07/2005	CCQ2304A	1	Hồ	8	8	8
12	2123040014	Nguyễn Văn Hoàng	22/11/2005	CCQ2304A	1	Hoàng	8.5	8.5	8.5
13	2123040063	Trương Công Huy	07/09/2005	CCQ2304B	1	Huy	8	8	8
14	2123030224	Bá Văn Khang	12/02/2005	CCQ2303G	1	Khang	7	7	7
15	2123040046	Nguyễn Đặng Minh Khang	09/08/2005	CCQ2304B					
16	2123040018	Nguyễn Hoàng Khang	18/04/2005	CCQ2304A	1	Khang	8	8	8
17	2123040054	Âu Dương Khánh	17/12/2005	CCQ2304B	1	Khánh	8	8	8
18	2123030234	Nông Duy Khánh	04/02/2005	CCQ2303G	1	Khánh	7.5	8	7.8
19	2123030233	Nguyễn Trương Gia Kiệt	29/05/2005	CCQ2303G	1	Kiệt	7.5	8	7.8
20	2123030239	Lê Minh Luân	01/12/2005	CCQ2303G	1	Luân	9	9	9
21	2123030223	Trần Quang Minh	04/10/2005	CCQ2303G	1	Minh	7.5	8	7.8
22	2123040043	Nguyễn Văn Nghĩa	10/10/2005	CCQ2304B	1	Nghĩa	6.5	7	6.8
23	2123040027	Nguyễn Tấn Phát	06/11/2005	CCQ2304A					
24	2123040016	Phạm Thành Phát	26/04/2005	CCQ2304A	1	Phát	8.5	8.5	8.5
25	2123040038	Lương Văn Phú	25/04/2005	CCQ2304B	1	Phú	7.5	8	7.8
26	2123040008	Nguyễn Ngọc Phúc	19/01/2005	CCQ2304A					
27	2123040071	Nguyễn Ngọc Phúc	10/09/2005	CCQ2304A					
28	2123030259	Nông Ngọc Quang	06/03/2005	CCQ2303G	1	Quang	7.5	7.5	7.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22203908] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2304A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123040055	Hồ Phúc	Quốc	09/01/2005	CCQ2304B	4	Quốc	8.5	8.5	8.5
30	2123040045	Trương Quang	Sang	08/08/2005	CCQ2304B					
31	2123040006	Thạch Ngọc	Son	25/09/2004	CCQ2304A	1	Son	9	9	9
32	2123040012	Trần Nhật	Tài	26/03/2005	CCQ2304A	1	Tài	8.5	8.5	8.5
33	2123040004	Bùi Thanh	Tân	02/10/2005	CCQ2304A	1	Tân	6	6.5	6.3
34	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	1	Trường	6	6.5	6.3
35	2123040013	Nguyễn Văn	Thông	10/09/2005	CCQ2304A	1	Thông	5.5	6	5.8
36	2123040072	Đỗ Anh	Thường	24/09/2005	CCQ2304A	1	Thường	8	8	8
37	2123040021	Nguyễn Trương	Tín	12/02/2005	CCQ2304A	1	Tín	9	9	9
38	2123040051	Hoàng Quách	Tĩnh	21/03/2005	CCQ2304B					
39	2123040024	Ngô Thái	Tổ	06/05/2005	CCQ2304A	1	Tổ	7	7.5	7.3
40	2123040020	Nguyễn Tiến	Toàn	06/06/2005	CCQ2304A	1	Toàn	7.5	7.5	7.5
41	2123040032	Huỳnh Nguyễn Hữu	Trí	30/05/2005	CCQ2304A	1	TRÍ	8.5	8	8.2
42	2123040053	Thân Văn	Trí	12/03/2005	CCQ2304B	1	Trí	7.5	7.5	7.5
43	2123030229	Trương Minh	Trí	14/04/2005	CCQ2303G	1	Minh	9	9	9
44	2123040036	Nguyễn Minh	Tuấn	16/08/2005	CCQ2304B	1	Minh	7.5	7.5	7.5
45	2123040075	Trần Văn	Tuấn	19/09/2004	CCQ2304B	1	Tuấn	8	6	6
46	2123040005	Vũ Đình	Tùng	10/03/2005	CCQ2304A	1	Đình	8	8	8
47	2123030251	Đỗ Quốc	Vin	26/08/2005	CCQ2303G	1	Vin	6.5	7	6.8
48	2123040070	Lộ Phú	Vinh	29/11/2005	CCQ2304B	1	Vinh	7	7	7
49	2123040026	Nguyễn Khắc	Vũ	06/07/2005	CCQ2304A	1	Khắc	6	6.5	6.3
50	2123040067	Tô Ngọc	Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	1	Ngọc	8	8.5	8.3